

**Đại Phương Quảng Phật
Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một,
Tịnh Hạnh Phẩm
Phần 24
大方廣佛華嚴經
(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội
Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

Tập 1509

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ thứ năm¹ trong phần kệ tụng Xuất Gia Thọ Giới:

(Kinh) Thoát khứ tục phục, đương nguyện chúng sanh, cần tu thiện căn, xả chư tội ách.

(經) 脫去俗服。當願眾生。勤修善根。捨諸罪輒。

(Kinh: Cởi bỏ áo đời, nguyện cho chúng sanh, siêng tu căn lành, bỏ các tội ách).

Đây là xuất gia thế độ. Bài kệ trước đó là Cầu Thịnh Xuất Gia. Tôi cũng đã thưa bày cận kề với quý vị: Xuất gia là một đại sự; tại gia thì lập gia đình là một đại sự, tuyệt đối chẳng phải là chuyện đùa bỡn của trẻ con! Nhưng hiện thời, đối với chuyện lập gia đình, cũng là kết hợp rất cầu thả. Tình hình ấy đã tạo thành tỷ lệ ly hôn khá cao. Trong xã hội xưa kia, rất ít nghe nói đến chuyện ly hôn. Thuở ấy, hề nghe nói đến chuyện vợ chồng nào đó ly dị, đúng là một tin sốt dẻo, hiếm nghe thấy! Hiện thời quá nhiều! Chúng ta phải lắng lòng quan sát cận kề chuyện này, sau đấy mới thật sự thấu hiểu nguyên nhân chân chánh gây nên sự an nguy và động loạn trong xã hội là ở chỗ nào. Quý vị mới có thể phát hiện tình trạng nguy ngập nghiêm trọng trong xã hội hiện thời, [thấy rõ] nguồn cội của tình trạng nguy ngập ấy, cũng như nguyên nhân gây ra tình trạng nguy ngập ấy là ở chỗ nào!

Trong quá khứ, xuất gia cũng hết sức thận trọng. Không chỉ là giữa thầy và trò thật sự có sự chọn lựa rất nghiêm túc, nghiêm ngặt. Đồ đệ chọn lựa thầy, thầy chọn lựa đồ đệ, nhất định chẳng phải là rất tùy tiện, rất dễ dãi, qua quýt! Đã thế, [để hội đủ tư cách xuất gia], còn phải trải qua sự khảo thí của nước nhà! Ở

¹ Nguyên văn là “bài kệ thứ sáu”, chúng tôi sửa thành bài kệ thứ năm cho hợp với chánh kinh.

đây, tôi phải nói rõ thêm về điểm này. Vào thời cổ, xuất gia chẳng phải là tùy tiện xuất gia. Đạo tràng do quốc gia quản lý; vì rất nhiều đạo tràng là do quốc gia kiến tạo, chẳng phải do tư nhân xây dựng. Nếu chur vị nhìn vào rất nhiều đạo tràng có quy mô rất lớn tại Trung Hoa, sẽ thấy trên hoành phi có ghi “*sắc kiến*”. “*Sắc kiến*” (敕建) nghĩa là do hoàng đế hạ lệnh xây dựng. Có những ngôi chùa do quốc khố bỏ tiền xây cất, có những ngôi chùa do chính quyền địa phương bỏ tiền xây dựng. Chùa miếu như vậy thì làm sao quốc gia chẳng quản lý cho được? Trong số ấy, cũng có những ngôi chùa do một số ít trưởng giả, cư sĩ kiến lập.

Đạo tràng [thời cổ] đều là đạo tràng thập phương, chẳng thuộc về một cá nhân nào, nhằm cung cấp [nơi chôn] cho người xuất gia tu hành an tâm học tập nơi đó. Người xuất gia có nhu cầu sinh hoạt rất đơn giản; vì thế, chăm sóc họ cũng chẳng khó. Họ chẳng có nhu cầu xa xỉ gì, đúng là “*thô trà, đạm phạn*” (trà dờ, cơm nhạt). Chánh phủ và nhân dân cũng vui lòng cúng dường họ. Họ có cống hiến gì đối với xã hội và quốc gia? Quý vị đọc bài Ung Chánh Hoàng Đế Thượng Dụ (huân dụ của hoàng đế Ung Chánh) sẽ biết, nhà vua đã viết rất nhiều bài huân dụ về tôn giáo và giáo dục. Trong [bản in] kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, [chúng tôi] có [sao lục] một bài, nguyên văn [của bài ấy] và những phần trích lục [từ những bài khác] đều được ấn hành. Chur vị hãy xem nhé! Vua Ung Chánh nói rất hay. Những vị xuất gia tu trì tốt đẹp, hằng ngày hồi hướng cho quốc gia và xã hội, người ngoại quốc nói là “*kỳ đảo*” (祈禱, cầu nguyện), chúc phước. Chuyện này có hiệu quả hay không? Khẳng định là có hiệu quả. Người thờ trước tin tưởng, người hiện thời chẳng tin. [Đối với chuyện] “*do những lời cầu nguyện, chúc phước của quý vị, Thượng Đế sẽ nghe lời quý vị*”, họ nảy sinh hoài nghi! Trên thực tế, sự kiên thành cầu nguyện và chúc phước chẳng liên quan gì đến Thượng Đế cả! Hiệu quả là ở chỗ nào? Từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, ta đã có chứng minh khoa học! Thiện tâm chúc phước, nhất là có rất nhiều người đồng thời [làm như vậy], không nhất định là ở cùng một chỗ, mà là cùng một lúc cầu nguyện, chúc phước, sẽ sanh ra phản ứng nhất định. Điều khó có là các nhà khoa học đã chứng minh [chuyện này]. Chuyện này thuộc về phương diện tinh thần. Trên thực tế, hành vi của những vị xuất gia ấy đã nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, gương gì vậy? “*U nhân vô tranh, u thế vô cầu*” (Chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời), khiến cho những người hằng ngày cạnh tranh trong xã hội sẽ lắng lòng phản tỉnh đôi chút. Vì thế, người xuất gia tu hành đúng pháp sẽ có cống hiến rất lớn đối với xã hội.

Lúc còn trẻ, tôi thích đọc lịch sử. Sách sử của mỗi triều đại đều có Ấn Dật Truyện. Trong phần liệt truyện², có một thiên như vậy. Lúc còn trẻ, tôi chẳng liểu

² Đây là cách phân loại trong lối chép sử truyền thống của Trung Hoa. Đối với mỗi triều đại, sử được chia thành hai phần: Bản Kỷ (本紀) là phần chép về tiểu sử của các vị hoàng đế thuộc triều đại ấy, Liệt Truyện (列傳) là phần chép về tiểu sử của các đại thần hoặc những nhân vật hữu danh thuộc triều đại ấy. Nội dung của Liệt Truyện rất phong phú, chia thành các tiểu loại như Thích Khách Truyện, Du Hiệp Truyện, Nho Tông Truyện (các bậc nho gia đạo đức, gương mẫu), Khốc Lại Truyện (truyện về những viên quan hà khắc, độc ác), Nho Lâm Truyện (các nho sĩ nổi danh, có thành tựu về vang), Đạo Học Truyện, Lương Lại Truyện (những vị quan

giải. Đối với những thiên sách ấy, tôi thường suy nghĩ, những người ấy có đạo đức, có học vấn, có năng lực, chẳng ra làm việc phụng sự xã hội và quốc gia, lại ẩn cư; vì sao còn viết truyện (viết tiểu sử) về họ? Những bài truyện ấy được lưu truyền thiên cổ, họ có công lao, có cống hiến gì đâu? [Ôm áp] nổi nghi hoặc ấy nhiều năm chẳng thể giải quyết được! Về sau, do học Phật, thân cận thầy Lý, tôi nêu ra chuyện này: Thưa thầy, con có niềm nghi vấn ấy. Thầy giải thích, những người đó có công đức “*tiềm di mặc hóa*” (潛移默化, ngấm ngấm biến đổi, chuyển hóa đại chúng), có ảnh hưởng. Họ có đức hạnh, có năng lực, có học vấn, có thể ra làm quan, nhưng họ không làm! Có ai mà chẳng mong tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng? Họ (những người ẩn dật ấy) dạy mọi người “chẳng cần tranh, cuộc sống của tôi thoải mái lắm, tự tại lắm!” Quý vị nói xem, đức hạnh, năng lực, và học vấn của tôi chẳng kém quý vị. Họ đã ban cho đại chúng trong xã hội quan niệm “*chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời*”. Ai nấy đều có quan niệm ấy, xã hội sẽ an định, sẽ hòa bình. Vì thế, họ dấy lên tác dụng rất lớn đối với sự an định và hòa bình trong xã hội, [cho nên] các sử gia đã chép truyện ký của họ. Tôi nghĩ [cách giải thích] ấy rất hợp lý. Những vị ẩn dật có ảnh hưởng to lớn ngàn ấy đời với xã hội, người xuất gia tu hành sẽ có ảnh hưởng càng to hơn nữa! Vì sao? Họ giáo hóa chúng sanh bằng thân giáo và ngôn giáo, vì hết thầy đại chúng cõi gỡ những nghi nan tạp chúng.

Những chuyện này đều do Thích Ca Mâu Ni Phật lưu lại. Thuở đức Thế Tôn tại thế, chư vị biết lão nhân gia giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Quý vị thấy trong Đại Tạng Kinh có khá nhiều bộ kinh; đó là gì? Giống như Học Phật Vấn Đáp trong hiện thời. Chúng sanh bất luận là trong cuộc sống hay trong công việc, hễ xử sự, đãi người tiếp vật gặp khó khăn, chẳng biết cư xử như thế nào, bèn gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, hướng về Ngài nêu câu hỏi. Đức Phật sẽ giải đáp. Ngài giải đáp hợp lý, có phương pháp, làm theo lời đức Phật sẽ có hiệu quả. Sau khi đức Phật diệt độ, [những lời dạy ấy] được ghi chép thành kinh điển. Do vậy, trong Đại Tạng Kinh có khá nhiều kinh rất ngắn, số chữ đại khái từ hai ba trăm chữ cho đến mấy trăm chữ, chẳng vượt quá một ngàn chữ. [Những kinh như vậy] rất nhiều, đều nhằm giải đáp các nghi nan tạp chúng. Vì lẽ này, Tạng Kinh được gọi là Pháp Bảo.

Xã hội hiện thời càng phức tạp hơn, vấn đề càng nhiều, có thể tìm câu trả lời trong Đại Tạng Kinh hay không? Có thể chứ! Bất luận chuyện lớn hay việc nhỏ! Toàn thể vấn đề xã hội trong hiện thời, cho đến những vấn đề chánh trị, các vấn đề về cuộc sống của nhân dân, hay vấn đề giáo dục, đều có trọn hết! Xã hội hiện thời xáo động, rối loạn, lòng người bất an, làm thế nào để có thể khiến cho xã hội khôi phục an định, khôi phục hòa bình, hóa giải hết thầy các xung đột đối lập? Trong kinh Phật có rất nhiều đạo lý và phương pháp, cao minh hơn những cách suy nghĩ và thảo luận của các bậc học giả và chuyên gia trong hiện thời quá

trung lương cần mẫn), Hãnh Thần Truyện (những quan lại được vua sủng ái, cây thế lộng hành), Ngoại Thích Truyện (truyện về những người thông gia với hoàng tộc), Yêm Hoạn Truyện (chép về những thái giám nổi danh) v.v...

hiều! Đối với các ý kiến do những vị học giả, chuyên gia nổi tiếng trên thế giới đề ra trong hiện thời, chúng ta nghe kỹ, suy nghĩ cặn kẽ, [sẽ thấy những cách thức ấy] còn để lại hậu quả [chẳng tốt]. Có nghĩa là phương pháp tốt đẹp, nhưng còn kèm theo tác dụng phụ, chẳng phải là tận thiện, tận mỹ. Phương pháp của đức Phật là tận thiện, tận mỹ, là kho báu trí huệ của nhân loại.

Trí huệ do đâu mà có? Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo chúng ta: “*Hết thấy chúng sanh vốn có trí huệ ấy*”. Trong phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện đã nói rất hay! “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Nhu Lai*”. Do vậy, xét về trí huệ, hết thấy chúng sanh và chư Phật, Bồ Tát bình đẳng, đức năng cũng bình đẳng, phước báo cũng bình đẳng. Có sao có mười pháp giới sai biệt quá lớn như vậy? Đức Phật dạy, “*chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Bọn lục đạo phạm phu chúng ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều trọn đủ; vì thế, quý vị chẳng thể chứng đắc. Quý vị hoàn toàn chẳng đánh mất, [chỉ là] chẳng thể chứng đắc. Buông xuống chấp trước, quý vị sẽ chứng đắc chút phần, trí huệ đã mở mang nhưng chẳng viên mãn! Phân biệt cũng buông xuống, quý vị sẽ chứng nhiều phần, [sự chứng đắc ấy được gọi là] Chánh Đẳng Chánh Giác, vẫn chưa phải là viên mãn! Vọng tưởng cũng ắt phải buông xuống, quý vị sẽ chứng đắc viên mãn. Trí huệ viên mãn, đức năng và tướng hảo trong tự tánh thấy đều hiện tiền. Đức Phật dùng lời thật dạy chúng ta, chẳng lừa dối chúng ta.

Hiện thời, chúng ta rất tệ hại. Nghe lời Phật dạy, đọc kinh Phật, [thế mà] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng buông xuống. Đây là gì? Học trò chẳng nghe lời. Học khá lắm, chẳng chịu làm. Do vậy, quý vị chẳng đạt được lợi ích và công đức thù thắng trong Phật pháp! Lợi ích và công đức thù thắng là gì? Trí huệ, đức năng, và tướng hảo. Quý vị chẳng hề tăng trưởng, tiến bộ trong ba phương diện ấy! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị nhẹ đi, trí huệ và đức tướng sẽ tăng trưởng, chúng tiêu trừ tăng trưởng lẫn nhau. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng nề, sẽ chẳng có trí huệ và đức tướng. Nói thật ra, trí huệ và đức tướng vẫn tồn tại, nhưng đã bị biến thành phiền não, tập khí. Phiền não, tập khí chính là tương phản của trí huệ và đức tướng. Ngàn kinh vạn luận, Phật, Tổ chẳng nói gì khác, không gì chẳng nhằm khuyên dạy chúng ta buông xuống mà thôi!

“*Chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời*” chính là buông xuống. Do điều kiện này, học Phật sẽ hết sức tốt đẹp. Nếu quý vị còn có tranh, còn có cầu, sẽ khó khăn lắm! Tại gia học Phật thì còn được, chứ xuất gia học Phật sẽ chẳng được. Do vậy, xuất gia học Phật nhất định phải buông xuống! Trước kia, thầy chọn lựa học trò, sẽ xét xem học trò có thể buông xuống hay không? Có phải là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỗi năm một nhạt mỏng hơn hay không? [Nếu đúng là như thế], đây là một đứa học trò tốt, là đối tượng đáng nên tuyển chọn. Có tâm đại từ bi hay không? Có thể bỏ mình vì người [hay không]? [Hễ đều có thể], đây chính là căn tánh Đại Thừa. Căn tánh Đại Thừa là bỏ mình vì người, trọn chẳng so đo cho chính mình, niệm nào cũng đều nghĩ đến phước lợi của chúng sanh. Kẻ ấy sẽ tiếp nhận giáo huấn Đại Thừa chẳng khó khăn!

Xưa kia, [để thanh lọc những kẻ muốn xuất gia], quốc gia phải tổ chức thi cử. Những người ấy đều có học, những khoa mục sát hạch gần như chẳng khác những khoa thi Cử Nhân hoặc Tiến Sĩ thông thường cho mấy. Quý vị đã có cơ sở ấy, thật sự có học thức. Đó là yêu cầu xưa kia của đế vương đối với người xuất gia. Vì người xuất gia có thân phận và địa vị là thầy, là “*thiên nhân sư*” (thầy của trời lẫn người), được đế vương tôn trọng. Đế vương muốn đề xướng hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy. Do vậy, đặc biệt coi trọng người xuất gia, nói chung, quý vị phải có chút gì đó khiến cho họ kính phục! Vì thế, khi khảo thí, đối với những thứ học thuật thông thường, gần như chẳng khác [những đề mục khảo hạch trong khoa thi] Tiến Sĩ cho mấy. Lại còn khảo hạch các kinh luận Phật giáo. Đương nhiên quý vị là một người xuất gia, ắt phải thông hiểu [kinh luận], cho nên phải khảo hạch. Sau khi đã đạt tiêu chuẩn, chứng thư do hoàng thượng cấp phát được gọi là “*độ điệp*” (度牒, giấy chứng nhận thế độ), nay chúng ta gọi là “*chứng thư*” (證書). Quý vị đã thi đậu, cũng giống như là hoàng thượng tiếp nhận quý vị: “Ông có thể làm thầy của tôi, có thể giúp tôi giáo hóa đại chúng bình phàm trong xã hội”. Lẽ nào nhà vua chẳng tôn trọng quý vị, [bởi lẽ] chẳng phải là có thể xuất gia tùy tiện được! Do vậy, xuất gia thì phải luôn tìm một nơi [thích hợp]. Ngày hôm qua tôi đã thưa cùng chư vị: Quý vị phải có duyên với pháp sư, phải có duyên với đại chúng trong đạo tràng ấy. Vì thế, tối thiểu là quý vị phải trụ ở đó ba tháng, nửa năm. Thậm chí có người phải trụ hai ba năm, đôi bên cư xử thân thuộc với nhau. Quý vị xin thế độ, vị thầy ấy nhất định sẽ trước hết xét văn bằng, chứng thư, độ điệp của quý vị. Quý vị chẳng có độ điệp, thầy sẽ chẳng dám cho quý vị xuống tóc. [Cho quý vị] xuống tóc là phạm pháp! Nghiêm ngặt như thế đó!

Rất bất hạnh là chế độ quốc gia khảo thí bị vua Thuận Trị nhà Thanh phế trừ. Nhà vua là hoàng đế đầu tiên của nhà Thanh, là cha của Khang Hy, vừa mới “*nhập quan*” (入關, vào Trung Nguyên)³. Nhà vua phế trừ vì hảo tâm. Sau này, có truyền thuyết chính vua Thuận Trị cũng xuất gia, do đã thấy thấu suốt hồng trần. Chẳng phải vì nguyên nhân ấy, vua xuất gia chẳng có ai cấp độ điệp cho, nhà vua liền ngay lập tức phế trừ [quy chế ấy]! Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư có vài bài phê bình chuyện này. Thuở ấy, đó là chuyện tốt. Vì sao? Người xuất gia thật sự đều có trình độ ấy, [không khảo thí mà cho phép xuất gia thì vẫn được], nhưng di chứng về sau rất phiền toái. Đến thời hiện tại, kẻ không biết chữ, chưa từng được giáo dục, đều xuất gia, cũng được thế độ, cũng thọ tam đàn đại giới. Tố chất của người xuất gia đọa lạc ngàn trọng!

Từ sách cổ, chúng ta thường thấy: Bạc quý nhân, quan chức hiển đạt, như những người lãnh đạo tại địa phương, Thái Thú thời cô trương đương tinh thị trưởng trong hiện thời, hễ gặp những nỗi khó khăn bèn đến thỉnh giáo lão hòa thượng trong chùa miếu trên núi. Những vị xuất gia giống như cố vấn của họ, xác

³ Do từ ngoài biên cương phía Bắc Trung Hoa đi vào Trung Nguyên, phải qua các cửa ải như Sơn Hải Quan, Nhạn Môn Quan, cho nên khi các sắc dân du mục ở phương Bắc như Mông Cổ, Tiên Ty, Hung Nô, Kim, Mãn Châu v.v... tiến vào Trung Hoa xâm chiếm lãnh thổ, lập ra các vương triều, đều gọi là “*nhập quan*” (vào trong quan ải).

thực là thật sự có năng lực. [Các vị ấy] tâm địa thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ, trí huệ mới có thể giải quyết vấn đề. Quốc gia đại sự cũng chẳng phải là ngoại lệ, Hoàng Thượng gặp chuyện khó khăn, cũng hướng về người xuất gia thỉnh giáo. Do vậy có thể biết, xưa kia, đạo đức, học vấn, và trí huệ của người xuất gia xác thực là khiến cho kẻ khác tôn kính. Đế vương đã tôn kính, đương nhiên là văn võ bá quan chẳng có ai không tôn kính người xuất gia. Các tầng lớp lãnh đạo quốc gia đều tôn kính người xuất gia, dân chúng bình phàm có lẽ nào chẳng tôn kính? Điều này sanh ra hiệu quả rất lớn đối với sự trị an trong xã hội.

Vì lẽ ấy, nó xác thực là giáo dục xã hội, dạy mọi người an phận, giữ bản phận, dạy mọi người liễu giải nhân quả ba đời. Của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu là mục tiêu hâm mộ và theo đuổi của hết thảy chúng sanh; quý vị có thể cầu được hay không? Chẳng cầu được! Những thứ này đã được định sẵn trong mạng, vận mạng của mỗi cá nhân khác nhau. Đời trước đã gieo những cái nhân khác nhau, nếu như đời này hưởng thụ quả báo giống hệt như nhau, sẽ là chuyện chẳng thể nào thực hiện được! Chuyện ấy thật sự trái nghịch định luật nhân quả, trái nghịch Tánh Đức, há có lẽ ấy? Khẳng định là sẽ sanh ra những chuyện rối loạn! Phải làm như thế nào thì mới thỏa mãn mong cầu và ước nguyện của đại chúng? Nhà Phật có phương pháp, dạy quý vị tu nhân. Của cải là quả báo, nhân [của nó] là gì? Thông minh, trí huệ là quả báo, nhân là gì? Khỏe mạnh, sống lâu cũng là quả báo, nhân là gì? Dạy quý vị tu nhân. Đã có nhân rồi thì sau đây sẽ có quả!

Hiện thời, các vị thấy chuyện đề xướng Liễu Phàm Tứ Huấn trong những năm vừa qua cũng có một ít hiệu quả, người xem rất nhiều. Hiện thời, Du Tịnh Ý Công Ngô Táo Thần Ký cũng bắt đầu lưu thông. Đây chính là nhằm dạy quý vị, quý vị mong cầu ba thứ ấy, hãy xem người ta cầu như thế nào? “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Chẳng phải là không cầu được! Cầu đúng lý, đúng pháp, thì quý vị mới có thể cầu được. Nếu sự mong cầu của quý vị trái nghịch lý luận, mà cũng trái nghịch phương pháp, làm sao quý vị cầu cho được? Quý vị sẽ tự chuốc lấy khổ! Quý vị thật sự hiểu những điều này thì mới thấu hiểu chỗ tốt đẹp trong giáo dục tôn giáo. Xưa nay, trong ngoài nước, con người rất khó thoát khỏi giáo dục tôn giáo. Giáo dục tôn giáo thật sự có thể đem lại cuộc sống hạnh phúc, thỏa mãn lòng mong cầu, thỏa mãn những mong cầu của quý vị. Nếu chẳng có những điều tốt đẹp ấy, lẽ đâu chúng ta đi theo con đường này? Cụ Phương Đông Mỹ đã giới thiệu với tôi: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi rất hâm mộ câu nói ấy, sự hưởng thụ cao nhất trong đời người! Tôi bèn hạ quyết tâm đi theo con đường ấy!

“*Thoát khỏi tục phục*” (Cởi bỏ y phục thế tục) chính là đổi sang áo ca-sa, bèn phát nguyện: “*Đương nguyện chúng sanh, cần tu thiện căn, xả chư tội ách*” (Nguyện cho chúng sanh, siêng tu căn lành, bỏ các tội ách). Đây chính là quý vị thật sự phát tâm xuất gia làm đệ tử Như Lai. Việc đầu tiên cần làm chính là quý vị phải buông xuống những tội nghiệp. Tội nghiệp gì vậy? Thập Ác, tức giết, trộm, dâm, nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, si. “*Xả chư tội ách*” là nói đến những thứ ấy. “*Cần tu thiện căn*” (Siêng tu thiện căn) là tương

phản với Thập Ác, tức Thập Thiện. Do vậy, hai câu này chính là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Từ kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng ta thấy đức Phật nói Thập Thiện Nghiệp Đạo là Thanh Văn Bồ Đề. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là “giác ngộ”. Sự giác ngộ của A La Hán, sự giác ngộ của Bích Chi Phật và sự giác ngộ của Bồ Tát được kinh ấy [lần lượt] gọi là Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, tức là sự giác ngộ của Phật, Bồ Tát. Sau đó, còn có một câu “*nãi chí nhân thiên pháp*” (cho đến pháp nhân thiên). Quý vị làm như thế nào để đời sau chẳng mất thân người, hoặc là đời sau có thể sanh lên trời, thấy đều dùng những điều này làm cơ sở. Nếu chúng ta không tu Thập Thiện, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và tạo tác sẽ tương ứng với Thập Ác, quý vị biết là đời sau sẽ chẳng có phần nơi nhân đạo! Chẳng có phần trong loài người, sẽ đến nơi đâu? Ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, đến những chỗ đó, tức ba ác đạo.

Bản thân chúng ta phát tâm xuất gia, nguyện vọng là gì? Trong phần trước đã nói, chẳng phải là nói “ta thoát khỏi phiền trạch gia”. Chẳng phải là nói về điều ấy, [mà là] chúng ta phải thoát khỏi phiền não gia. Thập Ác là phiền não. Phải cởi gỡ thứ ấy, phải thoát khỏi tam giới gia, phải thoát khỏi vô minh gia, đó là đúng. Hoàng nguyện như vậy được thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì thế, theo nghi thức, trước khi thê độ (剃度, xuống tóc), phải cử hành Tam Quy Y. Khi thê độ, trước khi thọ giới, cũng phải cử hành Tam Quy Y. Trước khi thọ giới Sa Di, cũng phải cử hành Tam Quy Y. Trước khi thọ giới tỷ-kheo, thọ Bồ Tát Giới, thấy đều phải cử hành Tam Quy Y. Những điều này đều đã chỉ rõ Tam Quy Y là tổng cương lĩnh, tức là tổng cương lĩnh và tổng nguyên tắc trong học tập. Tam Quy được gọi là Phiên Tà Tam Quy (翻邪三皈, Tam Quy nhằm chuyển đổi tà vạy). Thập Ác là tà, Thập Thiện là chánh, chuyển tà về chánh. Nếu quý vị chẳng thể buông xuống Thập Ác, làm sao có thể thành tựu cho được? Bất luận quý vị tu học trong Phật pháp như thế nào đi nữa! Nếu nói theo cách hiện thời, [sự tu hành ấy] thuộc loại Phật học, chẳng phải là học Phật.

Đối với Phật học, trước kia, thầy Lý thường bảo chúng tôi: “Quý vị đạt được mấy chục học vị Tiến Sĩ Phật học, trong tương lai, khi chết, đáng chết như thế nào thì vẫn chết y hệt như thế ấy, vô dụng! Những thứ ấy là giả, chẳng thật!” Vì thế, nếu phát tâm học Phật, nhất định phải học giống như Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng thể giống hoàn toàn, cũng phải là chẳng sai kém cho lắm thì mới được. Học giống như Ngài, quý vị sẽ thành Phật. Học chẳng sai khác cho mấy, quý vị sẽ thành Bồ Tát, hoặc thành A La Hán. Đây là sai kém chẳng nhiều cho lắm! Chớ nên không hiểu đạo lý này. Phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch sự thật này, hãy thật sự hành!

Đối với các vấn đề trong hiện tại, chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh, tư duy. Vì sao chẳng làm được Thập Thiện? Đối với chúng ta mà nói, Thập Thiện rất ơ hờ, Thập Ác quá thân thuộc! Trong đời quá khứ, tuy có thiện căn, nhưng trong xã hội hiện thời, duyên bên ngoài chẳng tốt đẹp. Duyên là gì? Hết thấy các duyên, những gì quý vị đã thấy, đã nghe, đã đón nhận, đã tiếp xúc, thấy đều lôi kéo, dẫn dắt chúng tử của mười ác nghiệp trong A Lại Da Thức, khiến cho quý

vị dấy lên tham, sân, si, mạn, khiến cho quý vị tạo giết, trộm, dâm, dối. Nay chúng ta gặp phải hoàn cảnh như thế đó, gần như chẳng có hoàn cảnh chánh đáng, hoàn cảnh tốt lành! Nửa thế kỷ trước còn có đôi chút, hiện thời hoàn toàn chẳng có!

Những năm xưa, chúng tôi ngồi máy bay. Trên máy bay có tạp chí, tôi ngồi trên những chiếc máy bay mới khá nhiều. Trong tạp chí còn có một, hai bài văn hay, thuộc loại đàng hoàng có thể xem được. Trong thời gian gần đây nhất, trong tạp chí chẳng hề có [những bài như vậy]. Do vậy, khi đi máy bay, chúng tôi cầm theo kinh điển để xem. Nhật báo, tạp chí, radio, TV toàn là ô nhiễm, chúng khuyên quý vị làm gì? Khuyên quý vị làm chuyện giết, trộm, dâm, dối. Có một lần tôi thấy một quảng cáo trên báo, đăng trọn cả trang. Toàn thể trang báo là một quảng cáo. Nội dung là gì? "*Tham lam là chánh xác*"! Họ viết một câu như thế đó! Nói cách khác, tham lam chẳng có tội! Tham lam là chuyện tốt, con người phải nên có tâm tham. Do tâm tham mới có thể thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Nếu con người chẳng có lòng tham, xác thực là kinh tế chẳng thể tăng trưởng! Vì tăng trưởng kinh tế mà cô vũ, khích lệ lòng tham của hết thảy mọi người! Đáng giận thay! Nói theo Phật pháp, tâm tham đọa nạ quý. Nói cách khác, cô vũ, khích lệ mọi người trong tương lai đều vào quỷ đạo, chuyện là như vậy đó!

Chúng ta có mong tương lai thành quỷ hay chẳng? Loài người rất khổ, nhưng thành quỷ còn khổ hơn làm người nữa! Khổ hơn quỷ là địa ngục. [Đọa] địa ngục là do sân khuê và sát hại. Đây là nghiệp nhân của địa ngục. Giết, trộm, dâm, dối nghiêm trọng, sẽ là nghiệp nhân của địa ngục. Trong kinh, đức Phật đã nói rất nhiều, "*tài, sắc, danh, thực, thù, địa ngục ngũ điều căn*" (tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghề là năm cái rễ của địa ngục). Nếu quý vị dấy lòng tham nghiêm trọng đối với ngũ dục, dộc trọn sức truy cầu, chẳng nề hà thủ đoạn, chắc chắn là quý vị sẽ tạo nghiệp đi vào địa ngục! Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, có sao trong một đời ngắn ngủi như thế này, lại tạo tội nghiệp nặng nề đường ấy? Đúng là "*thiên đường có nẻo, vì sao không đi? Địa ngục chẳng có cửa, sao cứ liều mạng rúc vào?*" Đây chính là điên đảo! Trong kinh, đức Phật thường gọi hạng người ấy là "*kẻ đáng thương xót*"!

Phật, Bồ Tát thấy vậy, tâm từ bi tràn trề nẩy sanh, luôn mong giúp họ, khuyên họ quay đầu. Trong quá khứ, nhiều người tiếp nhận, [cho nên] có nhiều người quay đầu. Trong thời đại hiện tại, người tiếp nhận rất ít. Họ tin tưởng khoa học, chẳng tin nhân quả, chẳng tin có ba đời, [cứ ngỡ] "con người chỉ có một đời này, hễ chết rồi thì thứ gì cũng chẳng còn nữa. Nếu chẳng ráo riết truy cầu khoái lạc trong một đời này, chẳng phải là đã uổng phí một đời ư?" Tà tri tà kiến! Tri kiến sai lầm, cách nghĩ và cách nhìn sai lầm, lầm lạc một đời, đánh mất cơ duyên đắc độ trong một đời! Quý vị nói xem có đáng tiếc hay chẳng?

Hai mươi năm trước, tôi hoằng pháp tại Mỹ, các đồng học đều hết sức tốt đẹp. Họ đã sưu tập những tin tức liên quan đến nhân quả báo ứng và luân hồi tại Âu Mỹ cho tôi xem. Họ bảo tôi: "Người ngoại quốc hiện thời cũng tin. Nhưng người tin tưởng vẫn là thiểu số, chẳng phải là đa số". Họ đưa cho tôi một tấm bản đồ do một nhà tiên tri vẽ ra, họ đưa cho tôi xem! Tận thế! Tận thế sẽ phát sanh vào năm nào? Năm 1999 cho đến năm 2000. Nghe nói hiện thời tấm bản đồ ấy

chẳng còn bán, vì năm 2000 đã qua rồi, mọi người chẳng tin có chuyện này! Trong tay tôi có một tấm cũng tặng cho người khác, nhưng các đồng học có làm lại một tấm cho tôi, nay chúng tôi đặt ở tầng mười. Hễ chư vị lên đó, sẽ trông thấy. Có thể [tận thế] hay không? Nếu quý vị thật sự tin tưởng “*y báo chuyển theo chánh báo*” như kinh luận đã dạy, quý vị sẽ tin tưởng!

Vì sao thế giới này biến thành tình trạng như vậy? Do lòng người! Lòng người đều có thể “*siêng tu thiện căn, bỏ các tội ác*”, thế giới này sẽ dần dần biến thành thế giới Cực Lạc, biến thành thế giới Hoa Tạng. Nếu lòng người chẳng biết tu thiện căn, chẳng biết tu Thập Thiện, vẫn không ngừng tiếp tục tạo tác mười ác nghiệp; đã thế, mười ác nghiệp mỗi năm một tăng trưởng, tấm bản đồ ấy sẽ có thể là thật, chẳng giả! Do vậy, chúng tôi đặt nó ở nơi đây, khiến cho các đồng học trông thấy, mọi người đều cảnh giác. Bản đồ ấy chẳng phải do người Hoa vẽ, mà là do người ngoại quốc vẽ.

Trong lời nguyện “*thoát khứ tục phục*” này, đã dùng chữ Tục (俗) để tỷ dụ sự ô nhiễm trong thế gian. Bản thân chúng ta phải giác ngộ, nguyện cho lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới hư không giới thảy đều có thể giác ngộ, tu thiện, đoạn ác, phải buông xuống những điều ác ấy. Thay đổi, trừ bỏ “*tục phục*” (俗服, y phục thế tục), tức là buông xuống quần áo thế tục, khoác áo ca-sa. Ca-sa biểu thị Thập Thiện, nguyện vọng là như thế đó. Chúng ta hằng ngày lúc mặc quần áo, cởi quần áo, đều phải nghĩ đến nguyện này. Cởi ra, nhất định phải buông tội nghiệp xuống. Mặc vào, nhất định phải siêng tu thiện pháp. A! Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem bài kệ tiếp theo là bài kệ thứ sáu.

(Kinh) Thế trừ tu phát, đương nguyện chúng sanh, vĩnh ly phiền não, cứu cánh tịch diệt.

(經) 剃除鬚髮。當願眾生。永離煩惱。究竟寂滅。

(Kinh: Cạo bỏ râu tóc, nguyện cho chúng sanh, mãi lìa phiền não, rốt ráo tịch diệt).

Người thế tục gọi râu ria, đầu tóc là “*phiền não ty*” (煩惱絲, tơ phiền não). Nói kiểu ấy, cũng bao hàm ý nghĩa hết sức sâu xa, nói rõ: Người sống trên đời, tập khí phiền não nhiều, dày rậm như râu tóc. Theo quy chế nhà Phật, hình tượng xuất gia cũng nhằm biểu thị pháp. Phải hiểu ý nghĩa này. Trước hết là phải cạo bỏ râu tóc, nhằm biểu thị [ý nghĩa trong] hai câu kệ tiếp: “*Vĩnh ly phiền não, cứu cánh tịch diệt*” (Vĩnh viễn lìa phiền não, rốt ráo tịch diệt), biểu thị ý nghĩa ấy. Do đó, trong giới kinh, đức Phật dạy các đệ tử hằng ngày sáng tối phải sờ đầu. Sờ đầu có ý nghĩa gì? [Xét xem] những thứ phiền não, ưu lự, vướng mắc ta có buông xuống hay không? Sự biểu thị pháp về mặt hình tượng nhằm nói lên ý nghĩa này.

Trong và ngoài phải như một, có thật sự buông xuống hay không? Biểu thị ý nghĩa ấy!

Người xuất gia tại Trung Hoa trừ chuyện ấy ra, trên đỉnh đầu còn “*nhiên hương*” (燃香, đốt hương). Vào thời cổ, thông thường là đốt mười hai lọn hương. “*Mười hai*” là một con số biểu thị sự viên mãn. Tôi thọ giới ở Đài Loan thuộc vùng nhiệt đới, đối với khí hậu nhiệt đới mà đốt mười hai lọn hương, sợ có hại cho thân thể. Những vị lão hòa thương cùng nhau thương lượng: Hương vẫn phải đốt, nhưng đốt ba lọn. Do vậy, chúng tôi đốt ba lọn hương. Nhưng cũng có người đốt sáu lọn, chín lọn, mười hai lọn, tùy thuộc ý nguyện của mỗi người. Tại Đài Loan, đốt ba lọn chiếm đại đa số, đốt chín lọn hoặc mười hai lọn tuy có, nhưng là thiểu số. Tôi được Chương Gia đại sư giáo huấn, vì Tạng truyền Phật giáo (Phật giáo theo truyền thống Tây Tạng) không “*nhiên hương*” (đốt hương trên đỉnh đầu khi thọ giới). “*Nhiên hương*” là quy củ đặc biệt tại Trung Hoa, giống như ăn chay vậy. Phật giáo trên toàn thế giới chẳng ăn chay, chỉ riêng Trung Hoa là ăn chay. Trung Hoa ăn chay, đốt hương, Phật giáo ở ngoại quốc chẳng có! [Những chuyện ấy] toàn là biểu thị pháp.

Trong kinh Phật, đức Phật thường bảo: “*Nhiên thiêu tự kỷ, chiếu diệu biệt nhân*” (Đốt cháy chính mình, rọi sáng người khác). Nói theo kiểu hiện thời, câu này có ý nghĩa “*vì xã hội, vì đại chúng mà hy sinh, hiến dâng*”. Chẳng phải là quý vị thật sự đốt hương. Thật sự đốt cháy rụi thân thể, quý vị lấy gì để phục vụ xã hội? Đây là một công cụ. Đốt hương mang ý nghĩa này. Công cụ này không vì chính mình, mà phải vì hết thảy chúng sanh, phải vì xã hội, thực hiện chuyện “*bỏ mình vì người, hy sinh hiến dâng*”, có ý nghĩa như thế đó! Ý nghĩa này hay lắm, viên mãn lắm! Các vị đại đức Trung Hoa cảm nhận điều này rất sâu, sợ chính mình sẽ quên bẵng lời giáo huấn trọng yếu của đức Thế Tôn, bèn thật sự đốt mấy lọn hương trên đỉnh đầu, khiến cho quý vị hằng ngày trông thấy, tự nhắc nhở chính mình: Chúng ta phát nguyện thiêu đốt thân thể nhằm cúng dường chúng sanh. Quý vị đã phát nguyện ấy thì phải thực hiện. Chọn lựa ăn chay chính là thật sự thực hiện “không sát sanh” rốt ráo viên mãn, chẳng ăn thịt chúng sanh. Nếu đối với chúng sanh còn có tâm oán hận, còn có tâm gây tổn hại, quý vị đã sai mất rồi, quý vị đã uống công ăn chay!

Mọi sự mọi vật chẳng có chuyện gì không có ý nghĩa biểu thị pháp trong ấy. Nếu quý vị hiểu sự biểu thị pháp được nói trong Phật môn, quý vị mới thật sự hiểu Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là gì? Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng đã nói [điều này] bao nhiêu lượt! Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh ở nơi đâu? Chẳng phải là trong kinh bản, mà là vạn sự vạn vật được bao hàm trong vũ trụ hiện thực. Đây là chân tướng của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Những hiện tướng (現相, tướng được biến hiện) ấy thiên biến vạn hóa; vì sao có thể thiên biến vạn hóa? Kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ). Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa như thế, mà tất cả hết thảy phàm phu chúng sanh sống trong thiên nhiên cũng là như thế! Tâm chúng sanh tốt lành, sẽ mưa hòa, gió thuận, quốc thái dân an, cảm ứng đầy mà! Hoàn cảnh chuyển biến

theo lòng người. Tâm chúng sanh bất thiện, thiên tai, nhân họa sẽ liên tiếp xảy ra. Đạo lý là như thế đó. Do vậy, có thể chuyển biến hoàn cảnh kém hèn hay không? Có thể chuyển! Mỗi người đều có thể chuyển hoàn cảnh của chính mình. Nhiều người thì sẽ có thể chuyển hoàn cảnh thế giới.

Hiện thời, xã hội nói đến chuyện “*bảo vệ môi trường*”. Điều này trọng yếu lắm! Ba mươi năm trước, tôi đến Hương Cảng để giảng kinh; thuở ấy, rất hiếm nghe nói đến hai chữ “*hoàn bảo*” (環保, bảo vệ môi trường). Chẳng nghe nói tới! Bảo vệ môi trường là chừng hai mươi năm gần đây mới có. Hiện thời, nó ngày càng được đại chúng trong xã hội coi trọng. Vì sao? Hoàn cảnh ô nhiễm quá nghiêm trọng. Ba mươi năm trước tuy có ô nhiễm, vẫn chẳng rõ ràng; hiện thời quá hiển nhiên, ai nấy đều cảm nhận được. Vì thế, bảo vệ môi trường hết sức quan trọng. Có phương pháp nào để có thể thật sự thực hiện tốt đẹp hay không? Rất khó! Bất luận dùng phương pháp gì để bảo vệ hoàn cảnh, sẽ luôn luôn có thói tệ nảy sanh! Làm như thế nào để có thể thực hiện tốt đẹp chuyện bảo vệ môi trường? Quý vị thấy trong kinh đức Phật dạy chúng ta, vừa đơn giản, vừa dễ hiểu, lại triệt để, thật sự có hiệu quả! Đức Phật dạy nguyên lý “*cảnh chuyển theo tâm*”, hoàn cảnh chuyển theo lòng người, tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh!

Núi, sông, đại địa trong hiện thời là cõi Phật. Thế giới Sa Bà này là khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài giáo hóa chúng sanh trong lãnh thổ ấy. Thích Ca Mâu Ni Phật có chết hay không? Chẳng hề có! Ngài ở nơi đâu? Không ở trên quả địa cầu này, Ngài ở tinh cầu khác, sang nơi khác. Khu vực giáo hóa quá lớn. Khu vực giáo hóa là tam thiên đại thiên thế giới. Trước kia, khi chúng tôi mới học Phật, cứ tưởng một đơn vị thế giới là một Thái Dương Hệ. Nói chung là khó hiểu rõ ràng đơn vị thế giới như kinh Phật đã nói [là như thế nào]. Lần đầu tiên, tôi về Bắc Kinh, đến thăm truyền nhân của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, học trò của cụ Hạ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng tôi gặp nhau hết sức hoan hỷ! Chúng tôi có nhân duyên về mặt pháp mạch. Thầy của cụ là ngài Hạ Liên Cư, thầy của tôi là ngài Lý Bình Nam. Sư phụ của thầy Lý cũng là một vị cư sĩ tại gia, tức cụ Mai Quang Hy. Cụ Mai Quang Hy và cụ Hạ Liên Cư là sư huynh, sư đệ, là đồng tham đạo hữu hết sức thân thiết. Cụ Hoàng Niệm Tổ là học trò của cụ Hạ Liên Cư, ngang vai vế với thầy tôi. Nói theo Phật môn, cụ có vai vế cao hơn tôi một bậc, tuổi tác thì đại khái cũng chỉ lớn hơn tôi mười tuổi. Chúng tôi đều cùng truyền thừa kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Vào thời gian ấy, ở hải ngoại chỉ có mình tôi giảng [kinh Vô Lượng Thọ], trong nước Trung Hoa, chỉ có mình cụ giảng. Kể như hai người chúng tôi tụng đầu nhau!

Nói đến đại thiên thế giới, cụ Hoàng bảo tôi: Một đơn vị thế giới như kinh Phật đã nói chẳng phải là một Thái Dương Hệ. Tôi hỏi “*vậy là gì*”? Cụ đáp: “*Hệ Ngân Hà*”. Tôi suy nghĩ thấy rất hữu lý. Tôi thưa: “*Vậy thì quá to!*” Một đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức! Mười ức hệ Ngân Hà đấy nhé, [hợp thành] khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật ở chỗ nào? Đứng như đã nói “*thiên xứ kỳ cầu, thiên xứ ứng*” (ngàn chỗ nguyện cầu, ngàn chỗ ứng). Đức Phật ở chỗ nào? Phật chẳng có thân tướng. Phật là Pháp Tánh, tức Chân Như bản tánh, chẳng có hình tướng. Thừa cùng chư vị, Phật chẳng phải là vật chất, mà

cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng Ngài có thể cảm ứng đạo giao với hết thầy chúng sanh. Chúng sanh có cảm, Ngài bèn có ứng. Đáng nên hiện thân gì để đắc độ, Ngài bèn hiện thân ấy. Vì thế, đức Phật hiện thân thuyết pháp trong thế gian này, đã nêu một tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Suốt đời tu hành và giáo học đều nhằm nêu gương cho chúng ta thấy, mong chúng ta sẽ học tập theo Ngài!

Hiểu sự biểu thị pháp, [sẽ nhận biết] khắp pháp giới hư không giới là một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh thật sự, không chỉ là đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới như [đã được diễn tả] trong phẩm Thế Giới Thành Trụ và phẩm Hoa Tạng Thế Giới chỉ là một tí xíu. Trong pháp giới hư không giới, có vô lượng vô biên khu vực giáo hóa giống như vậy, chẳng có cách nào tương tượng, mà cũng chẳng ai có thể diễn tả được! Quý vị thấy vũ trụ to cỡ nào! Đức Phật dạy: Đây chính là bản tánh, là chân tâm của chúng ta. Hễ giác ngộ, tất cả các cảnh giới đều là cõi nước Phật. Do đã mê nên mới có tam đồ, lục đạo, mười pháp giới. Phật và chúng sanh chẳng có sai biệt, sai biệt là do giác hay mê.

Đức Phật lập bày đủ mọi chuyện vì nhằm một sự: Giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Ngoài chuyện ấy ra, chẳng có pháp nào để có thể được! Vì thế, chúng ta phải hiểu nghĩa thú của sự biểu thị pháp trong hết thầy các pháp. Nếu quý vị thật sự hiểu, thật sự giác ngộ, sẽ như Thiên Tông đã nói: “*Đâu đâu thị đạo, tả hữu phùng nguyên*” (Chuyện gì cũng là đạo, ở nơi đâu cũng dễ dàng thấu hiểu cõi nguồn), sẽ nhập cảnh giới ấy. “*Đạo*” (道) chính là Bồ Đề đại đạo, “*nguyên*” (源) là Chân Như tự tánh. Lấy bất cứ một pháp nào, có pháp nào chẳng phải là [tự tánh]? Đúng thế! Pháp nào cũng đều viên mãn, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Trong các buổi giảng, [chúng tôi] thường xuyên nêu lên điều này. Vì sao phải thường nêu lên? Chúng ta chẳng khế nhập; do vậy, phải thường nêu ra, thường xuyên nói đến, hy vọng mọi người được nghe nhiều lượt. Do nghe nhiều, sẽ dần dần huân tập thành một loại chủng tử. Chủng tử ấy sẽ sanh ra sức mạnh; trong cuộc sống hằng ngày, khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, nó có thể dấy lên tác dụng. Do dấy lên tác dụng, sẽ chẳng mê!

“Chẳng mê” là gì? Quý vị chẳng còn phân biệt, chẳng còn chấp trước, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Đây là thành tựu, đây chính là “*cứu cánh tịch diệt*”, là “*vĩnh ly phiền não*” (vĩnh viễn lìa phiền não). Râu ria, đầu tóc làm sao có thể sánh ví số lượng phiền não cho được? Xét tới cùng, râu ria, tóc tai rất hữu hạn, phiền não có số lượng vô lượng vô biên. Kinh Phật nói “*tám vạn bốn ngàn phiền não*”. Đức Phật thật sự nói ra tám vạn bốn ngàn, chẳng phải là nói tùy tiện, chẳng phải nói theo kiểu hình dung, đức Phật xác thực nói tám vạn bốn ngàn. Thế nhưng, tám vạn bốn ngàn vẫn là một con số cố định. Trên thực tế, “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*” như đã nói trong Tứ Hoàng Thệ Nguyện mới là lời chân thật! Vì thế, dùng “*thế trừ tu phát*” (cạo bỏ râu tóc) nhằm biểu thị quý vị đã hạ quyết tâm, vĩnh viễn lìa phiền não.

Có quyết tâm lìa phiền não như vậy, và cũng có nguyện vọng nhất tâm nhất ý theo đuổi sự tịch diệt rốt ráo. “*Cứu cánh tịch diệt*” (tịch diệt rốt ráo) chính là quả địa Như Lai. “*Diệt*” (滅) là diệt phiền não, “*tịch*” (寂) là thanh tịnh. Đây là

gì? Đây chính là hình trạng của chân tâm. Dùng hai chữ ấy để hình dung chân tâm, hình dung bản tánh. Bản tánh là thanh tịnh tịch diệt. “*Diệt*” là trong tâm tánh chẳng có gì cả, đúng như Lục Tổ đã nói trong Đàn Kinh: “*Bốn lai vô nhất vật*” (Vốn chẳng có một vật). Đó là Diệt! Vốn chẳng có một vật. Cái tướng sau khi đã diệt được hình dung bằng chữ Tịch, tịch tịnh. “*Tịnh*” là chữ Tịnh trong “*thanh tịnh*”, [nên gọi là] “*tịch tịnh*” (寂淨). Chúng ta thường nói cái Tịnh ấy (nói khá thông tục) là “*chẳng khởi tâm, không động niệm*”, vào lúc nào? Ngay trong hiện tiền. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, đối với cảnh giới bên ngoài, xác thực là chẳng có khởi tâm động niệm. Cảnh giới ấy chính là tịch diệt rốt ráo!

Chúng ta có [cảnh giới tịch diệt rốt ráo ấy] hay không? Có chứ! [Tuy] chúng ta có, hiện thời thì sao? Chẳng chú ý! Quý vị từ nhà đến đạo tràng, đã đi qua rất nhiều thứ. Tôi hỏi quý vị nhé: “Trên đường đi, quý vị đã thấy gì?” “Chẳng thấy, không chú ý! Cứ một mực đi thẳng tới đây”. Trên đường có rất nhiều cảnh giới, chẳng chú ý. Đó là đã mấp mé tịch diệt rốt ráo rồi đây! Có ai đó hỏi quý vị, ngay lập tức quý vị sẽ khởi tâm động niệm, thanh tịch tịch diệt lập tức chẳng còn nữa! Vì thế, trong cuộc sống hằng ngày, chẳng phải là bọn phàm phu chúng ta không có, thường xuyên có, nhưng thời gian [tịch diệt thanh tịnh] quá ngắn. Hễ khởi tâm động niệm, tướng tịch diệt ấy chẳng còn nữa! Chẳng khởi tâm, không động niệm, cảnh giới ấy sẽ hiện tiền.

Do vậy, chư vị phải biết: Khi quý vị ngủ nghê vào buổi tối, nếu đã nhập cảnh giới ấy, chẳng khởi tâm, không động niệm, chắc chắn sẽ không nằm mộng, sẽ chẳng có mộng cảnh. Nếu còn nằm mộng, tức là khi quý vị đang ngủ, ý thức vẫn khởi tâm động niệm, ý thức sẽ lôi kéo, dính dáng năm thức trước. Như vậy thì sẽ biến thành cảnh trong mộng. Cảnh trong mộng là do quý vị đang nằm ngủ, mắt, tai, mũi, lưỡi đều nghỉ ngơi, thân thể nghỉ ngơi, nhưng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị chẳng chịu nghỉ, chúng vẫn tiếp tục hoạt động. Tôi nghĩ rất nhiều đồng học có kinh nghiệm về chân tướng sự thật này! Hễ có hiện tượng ấy, [sẽ là] chúng sanh trong lục đạo. Lại thưa cùng chư vị, trong lục đạo, chúng sanh trong Dục Giới có tập khí phiền não nặng nề ngàn ấy! Sắc Giới và Vô Sắc Giới đều cao minh hơn chúng ta. Sắc Giới và Vô Sắc Giới có công phu định lực. Công phu định lực đẩy lên tác dụng, họ đã buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bất quá sự “buông xuống” ấy chính là tạm thời buông xuống, chẳng phải là buông xuống vĩnh hằng. Hễ buông xuống vĩnh hằng, họ sẽ thành Phật, thành Pháp Thân Bồ Tát, [chúng sanh trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới chỉ] tạm thời buông xuống! Đối với thứ tự trong tầng cấp tu học của chúng ta, nhất định là trước hết sẽ tạm thời buông xuống. Thời gian “*tạm thời*” ấy phải càng ngày càng dài, công phu định lực của quý vị phải càng ngày càng sâu, trí huệ phải không ngừng tăng trưởng. Chẳng có trí huệ, sẽ không được! Chẳng có trí huệ, công phu Định lực ấy sẽ chẳng phải là rốt ráo. Vì thế, trong ấy nhất định phải có trí huệ, Định Huệ đẳng học (Định và Huệ học cân bằng). Lúc mới học, chuyện này nhằm tiếp dẫn sơ cơ. Kẻ sơ học chẳng thể lìa khỏi kinh giáo. Sau khi đã khế nhập cảnh giới, chẳng cần kinh giáo nữa. Kinh giáo là gì? Vạn sự vạn vật trong

khấp pháp giới hư không giới đều là kinh giáo. Đây chính là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Nếu có thể chuyển vật, ắt sẽ giống như Như Lai*”.

Vì thế, đã đạt đến địa vị Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài dùng công phu gì? Các vị cổ đại đức bảo, sự tu hành hằng ngày của các vị ấy (các vị Pháp Thân Bồ Tát) được gọi là “*vô công dụng đạo*”. Cảnh giới ấy chẳng có cách nào diễn tả được, [đánh gọi] là “*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*”. Bọn chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng, mà cũng chẳng có cách nào mô tả được! Các Ngài cảm ứng đạo giao với hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, không đâu chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng thuyết pháp, hòa quang đồng trần với hết thảy chúng sanh. Trên Thật Tế lý địa, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Quý vị nói xem, diễn tả cảnh giới ấy bằng cách nào đây? Tùy loại hóa thân, [tức là] có tướng, có động; nhưng trong hết thảy các cảnh giới, chẳng khởi tâm động niệm, bất động. Đây là động và tĩnh chẳng hai! Đối với bọn phàm phu chúng ta, quý vị nói động bèn có thể hiểu, nói tĩnh cũng có thể hiểu, [nhưng nói] “động và tĩnh là một, chẳng hai”, sẽ chẳng có cách nào lý giải. Tánh và Tướng như một.

Nói thật thà, Phật là như thế, mà có chúng sanh nào chẳng phải là như thế, có gì khác nhau đâu! Rốt cuộc sai khác ở chỗ nào? Khác biệt ở chỗ trong cuộc sống thường nhật trong thế gian, chư Phật, Bồ Tát chưa hề khởi tâm động niệm, chưa hề phân biệt chấp trước. Bọn phàm phu chúng ta khác biệt ở chỗ nào? Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, sai biệt ở chỗ này. Trừ điều ấy ra, chẳng có mảy may sai biệt nào! Chớ nên không hiểu rõ chân tướng sự thật này! Chúng ta học gì? Chính là hy vọng trong tương lai cũng có thể nhập cảnh giới của Phật, Bồ Tát như vậy. Trong cảnh giới như vậy, vĩnh viễn lìa phiền não, hoàn toàn chẳng lìa khỏi thế gian. Quý vị thấy người thế gian phiền não bao nhiêu! Phật, Bồ Tát chẳng có phiền não, đã rốt ráo tịch diệt. Trong tịch diệt rốt ráo mới hiển hiện trí huệ viên mãn và đức tướng viên mãn. Ẩn và hiện chẳng hai.

Đây chính là pháp môn Bất Nhị được nói trong Nhất Thừa giáo. Các Ngài khế nhập cảnh giới ấy. Bất Nhị là một, một là thật, nên gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới là một, không hai. Quý vị khởi tâm động niệm, sẽ chẳng thấy chân tướng, chẳng thấy tướng Nhất Chân. Chẳng khởi tâm, không động niệm, chân tướng sẽ hiện tiền. Các vị đại đức trong Tông Môn thường nói, “*tâm sư phỏng đạo câu khai ngộ*”, đó chính là “*đạp phá thiết hài vô mịch xứ*” (đi nát giày sắt chẳng tìm thấy), chẳng tìm ra! “*Đắc lai toàn bất phí công phu*” (Tìm được, hoàn toàn chẳng tốn công), nó vốn chính là [ở ngay trong hiện tiền]. Khi ngộ bèn hoảng nhiên đại ngộ [chân tâm] vốn là [ở ngay trong hiện tiền]. Ở đây diễn tả tướng ấy bằng câu “*vĩnh ly phiền não, cứu cánh tịch diệt*” (vĩnh viễn lìa phiền não, rốt ráo tịch diệt), [chân tâm, khai ngộ] vốn là [ở ngay trong hiện tiền]. Chỉ cần quý vị có phiền não, sẽ mê mất Nhất Chân. Nhất Chân ở ngay trước mặt quý vị, Nhất Chân chưa hề lìa khỏi chúng ta.

Thời gian và không gian do Nhất Chân biến hiện; do vậy, thời gian và không gian cũng chẳng thật. Pháp Tướng Duy Thức đã giải thích chuyện này rất rõ ràng! Trong Bách Pháp Minh Môn, thời gian và không gian được xếp vào Bất

Tương Ứng Hành Pháp. Bất Tương Ứng là chúng chẳng tương ứng với Sắc Pháp, chúng chẳng phải là Sắc Pháp. Chúng cũng chẳng tương ứng với Tâm Pháp, cũng chẳng tương ứng với Tâm Sở Pháp, nhưng xác thực là có hiện tượng này. Hiện tượng cũng chẳng phải là thật. Vì thế, người hiện thời gọi Bất Tương Ứng Hành Pháp là “*khái niệm trừu tượng*”. Thời gian và không gian thuộc về khái niệm trừu tượng. Quý vị chẳng thể nói chúng là có, mà cũng không thể nói chúng chẳng có. Bởi lẽ, Tướng có, Thể không, Sự có, Lý không, chúng ta phải hiểu điều này! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã thường nói [như vậy]!

Bọn phàm phu chúng ta đáng thương, đáng thương ở chỗ nào? Chẳng thoát ly phiền não! Nay chúng ta thật sự hiểu rõ, đã giác ngộ, hy vọng chúng ta có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là giả, chẳng thật, chúng là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện. Gì là thật? Nhất Chân pháp giới là thật. Chúng ta từ mê trở về giác ngộ, chẳng thể không nương theo con đường ấy của Phật, Bồ Tát để tiến bước. Con đường ấy tuyệt đối chánh xác, “*muội phương ba đời Phật, một đường Niết Bàn môn*”. Lại xem bài kệ tiếp theo là bài kệ thứ bảy.

(Kinh) Trước ca-sa y, đương nguyện chúng sanh, tâm vô sở nhiễm, cụ đại tiên đạo.

(經) 著袈裟衣。當願眾生。心無所染。具大仙道。

(Kinh: Đắp y ca-sa, nguyện cho chúng sanh, tâm chẳng nhiễm đấm, trọn đạo Đại Tiên).

“Đại Tiên đạo” chẳng phải là dạy quý vị thành tiên! “Đại tiên” là Phật, [“cụ đại tiên đạo” là] trọn đủ Phật đạo viên mãn. “Ca-sa”: Cái áo chúng tôi đang mặc hiện thời được gọi là Ca-sa (Kāśāya). Quý vị thấy nó gồm từng miếng một [may chằm lại]. Mỗi miếng chằm lớn nhỏ khác nhau, chia thành ba bậc. Trong chú giải, ngài Thanh Lương đã viết:

(Sớ) Ca-sa giả, bất chánh sắc y dã, diệp vân nhiễm sắc, biểu tâm nhiễm u pháp, yếu vô sở nhiễm, phương viết Nhiễm dã. Nhiên Nhị Thừa chi nhiễm, diệp phi chân nhiễm, tất tâm nhiễm Đại Thừa, cố vân “cụ đại tiên đạo”.

(疏) 袈裟者，不正色衣也，亦云染色，表心染於法，要無所染，方曰染也；然二乘之染，亦非真染，必心染大乘，故云具大仙道。

(Sớ: Ca-sa là áo chẳng có màu thuộc loại chánh sắc, còn gọi là “nhiễm sắc”, biểu thị tâm nhiễm pháp. Phải là chẳng đấm nhiễm gì thì mới gọi là Nhiễm. Nhưng sự nhiễm của Nhị Thừa chẳng phải là Nhiễm thật sự, tâm ắt phải nhiễm Đại Thừa, cho nên nói là “trọn đủ đạo của bậc Đại Tiên”).

Ngài Thanh Lương đã chú giải nhiều ngàn ấy! Trước hết, chúng ta phải hiểu hai chữ Ca-sa có nghĩa là gì. Đây là tiếng Phạn của Ấn Độ, có nghĩa là Tạp Nhiễm (雜染). Vì người thế gian chẳng thích màu sắc ấy! Người đời thích chánh sắc. “Chánh sắc” (正色) là gì? Năm màu đỏ, vàng, xanh, trắng, đen, năm màu

ấy. Năm màu đều thuộc loại chánh sắc. Đức Phật dạy quý vị chớ nên tham luyến những thứ chánh sắc trong thế gian, mà hãy hòa hợp năm màu, nhuộm thành một màu. Màu nhuộm ấy được gọi Ca-sa. Do vậy, Ca-sa có nghĩa là hỗn hợp rất nhiều thứ với nhau. Trong quá khứ, người xuất gia đi khất thực, bát cơm xin được cũng gọi là “*ca-sa phạn*” (cơm ca-sa). Vì sao? Chẳng phải do một gia đình tặng cho, mà là xin từ mấy nhà. Cơm do mỗi nhà cho đều cùng đựng trong một bát. Do vậy, cái bát ấy cũng gọi là Tạp Nhiễm, đều mang ý nghĩa này. Nói theo kiểu hiện thời, điều này biểu thị chuyện gì? Biểu thị văn hóa đa nguyên, xác thực là có ý nghĩa này.

Nhất là y phục, Thanh Lương đại sư chỉ giảng về “*nhiễm sắc*”, vẫn chưa nói về [ý nghĩa của] các mảnh vải [ghép thành áo ca-sa]. Vì sao có nhiều miếng chằm như thế? Trước kia, người xuất gia chúng ta cũng không biết [ý nghĩa thật sự] của những miếng chằm ấy! Các vị lão hòa thượng thuộc thế hệ trước, đại khái cũng là từ đời này truyền cho đời kia, truyền dạy chúng tôi: Những miếng chằm ấy nhằm biểu thị [y ca-sa] giống như thửa ruộng. Đó là Phước Điền Y. Mặc y phục ấy, do cư sĩ tại gia bố thí, cúng dường, gọi là “*chủng phước điền*” (種福田, gieo trồng ruộng phước). Chúng tôi chấp nhận cách giải thích ấy cũng chẳng ít năm. Mãi cho đến năm 1999, tôi tham gia lễ mừng năm mươi năm ngày lập quốc⁴ của nhà nước do cục Tôn Giáo Quốc Gia mời. Khi ấy, viện bảo tàng lịch sử triển lãm một số văn vật khai quật từ Thanh Châu⁵, triển lãm tại đó, toàn là tượng Phật. Những tượng Phật ấy được khắc hoặc đắp vào thời đại Nam Bắc Triều, khai quật từ Thanh Châu. Diếp cục trưởng và Trương cục trưởng của cục Quốc Gia Văn Vật cùng đi xem triển lãm với tôi. Tôi đến xem, thấy trong ấy có ba bức tượng Tỳ Lô Giá Na Phật, đắp y ca-sa có hai mươi lăm điều, giống như cái y tôi đang đắp. Xem kỹ cái y Ngài đắp, trong mỗi điều (條, miếng chằm) đều có hình vẽ. Tôi xem kỹ hơn, [nhận thấy] phía trên vẽ tượng Phật, phía dưới vẽ Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến tận cùng là địa ngục, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ!

Mỗi miếng chằm biểu thị điều gì? Biểu thị pháp giới bất đồng. Mười pháp giới, trong mỗi pháp giới lại trọn đủ mười pháp giới, thành một trăm giới. Trí Giả đại sư giảng kinh Pháp Hoa có nói Bách Giới Thiên Như, [nghĩa là] mỗi giới trong trăm giới lại có mười pháp giới, [thành ra] một ngàn pháp giới. Do điều

⁴ Nguyên văn là “*kiến quốc*” (建國), chính là ngày quốc khánh, nhằm kỷ niệm ngày thành lập Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc (Trung Cộng), tức ngày mùng Một tháng Mười năm 1949.

⁵ Thanh Châu (青州) là một huyện của Sơn Đông. Thanh Châu là một địa phương đã có rất lâu đời, được xếp vào chín châu thời cổ, là nơi cư trú của các tộc người thuộc Đông Di vào thời nhà Hạ. Sau khi nhà Châu dẹp Trụ, đất này được phong cho Khương Thượng (Khương Tử Nha), thuộc vào lãnh thổ nước Tề. Kinh đô Lâm Truy của nước Tề cũng trực thuộc vùng này. Nơi này đã được chọn làm kinh đô khi Mộ Dung Đức chiếm cứ Sơn Đông, lập ra nhà Bắc Yên. Trải các triều đại, nơi này luôn là một thị trấn quan trọng nhất của vùng Sơn Đông, cho nên có rất nhiều di vật văn hóa có giá trị. Đặc biệt tại đây có Đà Sơn Thạch Quật; trong hang đá ấy có đến sáu trăm ba mươi tám tượng Phật bằng đá, chủ yếu là được tạc khắc vào đời Bắc Châu của Nam Bắc Triều, phần còn lại chủ yếu là được tạc vào đời Đường.

này, quý vị quan sát cận kề, tư duy, [sẽ nhận ra, những miếng chằm của y ca-sa biểu thị] pháp giới vô lượng vô biên⁶, biểu thị ý nghĩa này! Thấy đều đặn trên thân quý vị, pháp giới bình đẳng, thật sự hoàn toàn tương ứng với văn hóa đa nguyên như chúng tôi đang thực hiện tại ngoại quốc trong hiện thời. Coi như là chúng tôi đã hiểu rõ ý nghĩa của từng miếng chằm. Toàn thể tám y là Nhất Chân pháp giới, mỗi miếng chằm chính là mỗi pháp giới. Mỗi pháp giới chẳng rời khỏi Nhất Chân, Nhất Chân chẳng lìa khỏi mười pháp giới. Ý nghĩa này quá hay!

Do vậy, toàn thể vũ trụ là một Thể. Kinh Đại Thừa nói “*mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Nói cách khác, nói “*mười phương ba đời Phật*” rất hay! Vì trong ba đời có đời vị lai, [chư Phật trong] đời vị lai chính là hết thảy chúng sanh trong hiện tiền. Hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật! Quá khứ Phật đã thành tựu, đối với hiện tại Phật thì đức Phật đã giới thiệu rất nhiều. Vị lai Phật là hết thảy chúng sanh trong hiện tại. Do vậy, chúng ta phải tôn kính hết thảy chúng sanh, chớ nên giải đãi, khinh mạn, họ chính là vị lai Phật. Nói thật đấy! Liễu giải chân tướng sự thật, tự nhiên sẽ tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, do biết chúng ta là cùng một Thể. Đã hiểu rõ mối quan hệ, chớ nên phân biệt, chấp trước nữa! Tự và Tha chẳng hai, phàm và thánh như một! Chúng ta thường đọc thấy kinh dạy: “*Sanh Phật bất nhị*”, “*sanh*” là chúng sanh, “*Phật*” là chư Phật! Chúng sanh và chư Phật là một, không hai. Do vậy, mỗi miếng chằm biểu thị ý nghĩa này!

Nhiễm sắc, ngoài những màu ấy ra thì không phải là chánh sắc, khiến cho chúng ta dứt bỏ sự tham luyến, tham ái đối với chánh sắc. Ngoài những điều ấy ra, nhiễm [sắc] còn có một ý nghĩa biểu thị pháp khác, nó biểu thị điều gì? Tâm chúng ta chẳng nhiễm thế pháp (pháp thế gian), chẳng nhiễm phiền não, mà nhiễm gì vậy? Nhiễm Phật pháp. Vì thế, nói là “*vô sở nhiễm*” (chẳng nhiễm gì cả). Trong ấy thêm vào ba chữ, ý nghĩa cũng rất rõ ràng. “*Yếu u thế tục vô sở nhiễm, phương viết nhiễm u chánh pháp dã*” (Phải là “chẳng nhiễm thế tục” thì mới gọi là “nhiễm chánh pháp”). Vì thế, ý nghĩa của ba chữ được thêm vào ấy rất rõ ràng. Chẳng bị nhiễm thế tục, quý vị nhiễm chánh pháp. Trong Phật pháp thường nói là “*huân tập*”.

Nay chúng ta rất phiền toái, hiện thời bị nhiễm thế pháp. “*Thế pháp*” là gì vậy? Tôi thường nói là nhật báo, tạp chí, TV, radio, ca múa, hí kịch. Ngay như trong hiện thời, hễ ra khỏi cửa, bèn thấy quảng cáo khắp mọi nơi, nội dung của chúng là gì? Xác thực đều chẳng lìa khỏi giết, trộm, dâm, dối! Chúng ta thấy tiệm ăn ở Hương Cảng nhiều lắm, bao nhiêu là tiệm ăn bán hải sản! Đó là sát! Cờ bạc là trộm, tình dục là dâm. Giết, trộm, dâm, dối! Hễ quý vị đi ra ngoài, sáu căn toàn tiếp xúc những cảnh giới ấy, đáng sợ quá! [Kết quả của] sự ô nhiễm ấy chính là tiến đến ba ác đạo.

Nay chúng ta ở trong đạo tràng, hằng ngày học tập kinh giáo, niệm Phật trong Niệm Phật Đường; đấy là nhiễm chánh pháp. Nhị Thừa là nhiễm chánh pháp, chẳng phải là thật sự nhiễm. Đấy là Tiểu Thừa, chẳng rốt ráo; do vậy, chẳng

⁶ Đại y có hai mươi lăm điều, tức là tương ứng với hai mươi lăm hữu trong tam giới.

phải là thật sự nghiêm. Ất phải là tâm nghiêm Đại Thừa! Hoa Nghiêm là pháp Nhất Thừa, còn cao hơn Đại Thừa một bậc, thật sự là đại pháp rốt ráo, [đấy là] “*tâm nghiêm Đại Thừa*”. Đại Thừa của Đại Thừa là Hoa Nghiêm; do vậy, gọi là “*cụ đại tiên đạo*” (trọn đủ đạo của bậc Đại Tiên). Ở đây, [lời Sớ] đã nêu bày ý nghĩa của “*đại tiên đạo*”.

Đối với cách giảng kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi cũng suy xét rất lâu. Chúng tôi giảng cặn kẽ cho đến phẩm sau, [đến phẩm ấy], hội thứ hai⁷ sẽ viên mãn. Đến hội thứ ba là Thập Trụ, hội thứ tư là Thập Hạnh, từ đấy trở đi, chúng tôi sẽ giảng sơ lược đại ý, chẳng giảng chi tiết như vậy. Hiện thời, gần như là mỗi tiếng đồng hồ giảng một bài kệ. Từ nay trở đi, một tiếng đồng hồ có thể giảng mười bài kệ, hoặc hai mươi bài kệ, như vậy thì tốc độ tiến triển sẽ nhanh chóng. Tôi hy vọng là trong năm năm nữa, tối đa là bảy năm, bộ kinh Hoa Nghiêm này sẽ được giảng viên mãn! A! Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 1510

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ thứ tám trong đoạn thứ hai, tức đoạn Xuất Gia Thọ Giới.

(Kinh) Chánh xuất gia thời, đương nguyện chúng sanh, đồng Phật xuất gia, cứu hộ nhất thiết.

(經) 正出家時。當願眾生。同佛出家。救護一切。

⁷ Theo cách phán giáo của tông Hiền Thủ, kinh Hoa Nghiêm được chia thành chín hội giảng ở bảy nơi khác nhau, nên thường gọi là “*thất xứ cửu hội*”:

1. Hội thứ nhất giảng tại Bồ Đề Đạo Tràng, bao gồm sáu phẩm đầu của kinh Hoa Nghiêm là Thế Chủ Diệu Nghiêm, Như Lai Hiện Tướng, Phổ Hiền Tam Muội, Thế Giới Thành Trụ, Hoa Tạng Thế Giới và Tỳ Lô Giá Na.

2. Hội thứ hai, giảng tại điện Phổ Quang Minh, bao gồm sáu phẩm, tức Như Lai Danh Hiệu, Tứ Thánh Đế, Quang Minh Giác, Bồ Tát Vấn Minh, Tịnh Hạnh và Hiền Thủ.

3. Hội thứ ba, giảng tại Đạo Lợi thiên cung, gồm sáu phẩm, tức Thăng Tu Di Sơn Đảnh, Tu Di Sơn Đảnh Kệ Tán, Thập Trụ, Phạm Hạnh, Sơ Phát Tâm Công Đức, và Minh Pháp.

4. Hội thứ tư, giảng tại Dạ Ma thiên cung, gồm bốn phẩm là Thăng Dạ Ma Thiên Cung, Dạ Ma Cung Kệ Tán, Thập Hạnh, và Vô Tận Tạng.

5. Hội thứ năm, giảng tại Đâu Suất thiên cung, gồm ba phẩm, tức Thăng Đâu Suất Thiên Cung, Đâu Suất Kệ Tán, và Thập Hội Hương.

6. Hội thứ sáu, giảng tại Tha Hóa thiên cung, gồm một phẩm, tức phẩm Thập Địa.

7. Hội thứ bảy giảng tại điện Phổ Quang Minh, gồm mười một phẩm, tức Thập Định, Thập Thông, Thập Nhân, A Tăng Kỳ, Thọ Lượng, Chư Bồ Tát Trụ Xứ, Phật Bất Tư Nghị, Như Lai Thập Thân Tướng Hải, Như Lai Tùy Hào Quang Minh Công Đức, Phổ Hiền Hạnh và Như Lai Xuất Hiện.

8. Hội thứ tám, cũng giảng tại điện Phổ Quang Minh, gồm một phẩm, tức phẩm Ly Thế Gian.

9. Hội thứ chín, giảng tại Trùng Các giảng đường (tức Thệ Đa Lâm, tức vườn Kỳ Đà, hay tinh xá Kỳ Hoàn), gồm một phẩm, tức phẩm Nhập Pháp Giới.

(Kinh: Khi đã xuất gia, nguyện cho chúng sanh, xuất gia giống Phật, cứu hộ hết thảy).

Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư giải thích chẳng nhiều cho mấy, chỉ có hai câu:

(Sớ) Lạc phát phi y chi hậu, vi chánh xuất gia.

(疏)落髮披衣之後，為正出家。

(Sớ: Sau khi xuống tóc, đắp y, là “thật sự xuất gia”).

Ý nghĩa của việc xuất gia đã được nói trong phần trước, có bốn loại Xuất. Thân lẫn tâm đều xuất: Xuất điền trạch gia, xuất phiền não gia, xuất tam giới gia, xuất vô minh gia. Bốn thứ “gia” ấy đều xuất, bèn gọi là “chánh xuất gia”. Đây chính là phát tâm giống như chư Phật Như Lai. Vì thế, Bồ Tát phát nguyện, “đương nguyện chúng sanh, đồng Phật xuất gia, cứu hộ nhất thiết” (nguyện cho chúng sanh, xuất gia giống như Phật, cứu hộ hết thảy). Nguyện này đã hoàn toàn tuyên thệ ý nghĩa và mục đích xuất gia.

Vì sao xuất gia? Nhằm cứu hộ (救護, cứu giúp, bảo vệ) hết thảy. Tại gia có thể cứu hộ hay không? Tại gia cũng có thể cứu hộ hết thảy; nhưng nếu muốn thực hiện sự cứu hộ hết thảy đến mức viên mãn thì xuất gia là một loại thị hiện rất tốt, khiến cho chúng sanh đạt được khái thị rất lớn từ hình tướng ấy. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia vào thuở đó, không chỉ là khi đó, mà chúng ta là những kẻ đời sau, tính cho đến hiện thời, đức Phật diệt độ, theo ghi chép của người Hoa, đã là 3.034 năm ([tính đến] năm 2005 là 3.033 năm, năm nay phải là đã 3.034 năm). Người thuộc ba ngàn năm sau, hễ đọc truyện Thích Ca Mâu Ni Phật, đều hết sức cảm động. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật không xuất gia, Ngài dùng thân phận quốc vương tại gia để hộ trì Phật pháp, cũng có thể khiến cho kẻ khác kính nể. Nhưng hàng phàm phu trong thế giới Sa Bà thấy quý vị là quốc vương, đại thần, hoặc trưởng giả giàu to, nếu quý vị cứu độ hết thảy chúng sanh, sẽ có bao nhiêu kẻ thường dân thấp cổ bé miệng chẳng dám tiếp xúc với quý vị. Dẫu tiếp xúc, cũng phải làm ra dáng vẻ [khúm núm], vâng giữ quy củ, chẳng dám thân cận, chẳng dám nói nhiều! Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện xuất gia, tướng xuất gia là tướng bình đẳng. Ngài tiếp xúc đại chúng, đặc biệt là chúng sanh khổ nạn thuộc giới bình dân, họ trông thấy người xuất gia sẽ có thể sanh khởi một loại cảm tình thân thiết. Do vậy, hiệu quả cứu độ chúng sanh sẽ to lớn, hết sức thuận tiện! Đây là “*nhân đồng thủ tâm, tâm đồng thủ lý*” (người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này). Bồ Tát muốn cứu hộ hết thảy chúng sanh, ngẫm ra vẫn là dùng hình tướng xuất gia thì sẽ tốt đẹp. Hình tướng xuất gia có thể phổ độ hết thảy, lại còn là bình đẳng phổ độ hết thảy, người [xuất gia] ấy có thể làm được!

Chúng ta biết đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này. Nếu chúng ta thật sự muốn học Phật, phát tâm học Phật, có ý định học Phật, có đại nguyện học Phật, có đại trí, đại đức, đại năng học Phật thì mới phát tâm xuất gia. Trong lịch sử Trung Hoa, xác thực là như Huyền Trang đại sư khi được người khác hỏi vì

sao Ngài xuất gia? [Ngài trả lời ngay] “*viễn thiệu Như Lai, cận quang đại pháp*” (xa là tiếp nối Như Lai, gần là khiến cho đại pháp được rạng rỡ). Cũng có chỗ chép là “*cận quang di giáo*” (近光遺教, gần là làm rạng rỡ di giáo của đức Phật). “*Xa*”: Nói đến thời gian cách biệt giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và chúng ta khá xa. Thời đại của Huyền Trang đại sư cũng cách Phật hơn một ngàn năm, gần đến hai ngàn năm. “*Thiệu*” (紹) là kế tục, thường nói là “*tục Phật huệ mạng*” (續佛慧命, nối tiếp huệ mạng của Phật). “*Tục Phật huệ mạng*” là “*viễn thiệu Như Lai*”, [tức là] kế thừa giáo huấn của đức Phật, phát huy rạng rỡ giáo huấn của đức Phật. Đây là [mục tiêu] “*gần*”. Giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui; đây chính là ý nghĩa của câu “*đồng Phật xuất gia*” (xuất gia giống như Phật). “*Đồng Phật xuất gia*” có ý nghĩa này!

Trước khi xuất gia, quý vị chẳng nhận biết Phật, làm sao có thể giống như Phật cho được? Vì thế, phải nhận biết! Anh của Huyền Trang đại sư xuất gia trước, đại khái là Ngài được huân tập, nhận biết Phật pháp đến một trình độ nhất định, cho nên Ngài mới phát tâm to tát ngàn ấy. Cũng rất khó có, Ngài thật sự thành tựu. Chẳng sợ khổ sở, gian nan, Ngài sang Ấn Độ cầu học, ở xứ Ấn Độ mười bảy năm. Sau khi trở về, suốt đời theo đuổi công tác phiên dịch. Những bộ kinh do Huyền Trang đại sư đã dịch có phân lượng lớn nhất, hơn một ngàn quyển! Ngài xuất gia, đã hoàn toàn tương ứng với nguyện vọng xuất gia, Ngài đã làm được.

Nói thật ra, phải nên biết nguyện của Huyền Trang đại sư chính là nguyện vọng chung của tất cả người xuất gia đời sau. Quý vị xuất gia để làm gì? Xuất gia là vì chuyện này: Nối tiếp huệ mạng của Phật, hoằng dương Phật pháp, giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Vì chuyện này! Đây là hoàn toàn chánh xác. Muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui, trước hết, chính mình có lìa khổ hay không? Chính mình có đạt được vui sướng hay không? Nếu chính mình vẫn chẳng lìa khổ được vui, làm sao có thể dạy kẻ khác lìa khổ được vui? Chớ nên không biết sự thật này! Nguyện đã phát, xác thực là có chánh tri chánh kiến đối với Phật pháp, nhận biết chánh xác. Sau khi xuất gia, phải thật sự học tập.

Nhà Phật nói “*tu hành*”, nay chúng ta nói là “*học tập*”, có cùng một ý nghĩa, nhưng danh từ “*tu hành*” càng phù hợp khít khao hơn! “*Tu*” (修) là “*tu chánh*” (修正, uốn nắn, sửa đổi cho đúng), “*hành*” (行) là hành vi. Hành vi của chúng ta bất chánh, sai trái; phải sửa chữa hành vi sai lầm, đó là “*tu hành*”. Hành vi quá nhiều, vô lượng vô biên! Để dạy chúng ta, đức Phật đã quy nạp vô lượng vô biên hành vi thành ba loại lớn: Ngôn ngữ là hành vi thuộc về khẩu nghiệp; sự tạo tác nơi thân thể là hành vi thuộc về thân nghiệp, tức là nhất cử nhất động của quý vị; ý niệm, khởi tâm động niệm chính là hành vi nơi ý nghiệp. Ba loại hành vi lớn của quý vị có sai lầm, có lệch lạc. Vì sao nói quý vị có sai lầm, lệch lạc? Quý vị có phiền não, có ưu lự. Do đâu mà có những phiền não, ưu lự ấy? Từ hành vi sai lầm dẫn phát. Chúng ta nói đến quả báo, hễ có nhân, ắt có quả. Đã có quả, sẽ nhất định phải có nhân.

Trong kinh Phật thường nói đến ba khổ hay tám khổ. Do đâu mà phải luân hồi trong lục đạo tam đồ từ vô thủy tới nay? Đây là khổ, đều do tạo tác hết thảy các nghiệp bất thiện mà chiêu cảm. Nay đức Phật dạy chúng ta hãy sửa đổi các hành vi, [tức là thấy đều sửa đổi] các hành vi sai lầm. Như thế thì sẽ chẳng có chuyện gì, những quả báo khổ sẽ chẳng có. Do vậy, đối với khổ báo, chẳng thể giải quyết nơi quả báo, phải biết giải quyết từ cái nhân. Ví như chúng sanh gặp rất nhiều tai nạn, thế gian cũng khá lắm, có rất nhiều cơ cấu từ thiện chuyên môn cứu tế những người khổ nạn ấy. Họ chẳng có cái ăn, bèn tặng lương thực cho họ. Không có cái mặc, bèn tặng quần áo cho họ. Chẳng có chỗ ở, bèn dựng một số căn nhà để họ có thể an cư. Những người ấy dựa vào sự cứu tế để sống, nói chung là chẳng thể suốt đời sống bằng sự cứu tế. Đây là quả. Chẳng thể giải quyết vấn đề từ quả, phải biết giải quyết từ nhân. Vì sao họ nghèo túng? Vì sao tà tri tà kiến? Vì sao ngu si? Vì sao tạo tác ác nghiệp? Quý vị có thể suy nghĩ từ những điều trên đây, tìm ra cái nhân. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ giác ngộ. Giác ngộ là gì? Khiến cho họ biết hành vi của chính mình sai lầm, đây là giác ngộ. Sau khi đã giác ngộ, họ mới tu hành, sửa đổi những hành vi sai lầm của chính mình. “*Tu*” là uốn nắn. Uốn nắn hành vi sai lầm của chính mình thì gọi là “*tu hành*”.

Vì lẽ ấy, đức Phật giảng kinh; kinh, luật, luận là ba loại lớn. Giới luật giúp quý vị uốn nắn ngôn ngữ, tạo tác, tức hành vi nơi thân và miệng. Giới luật là tiêu chuẩn. Kinh luận nhằm uốn nắn tư tưởng và kiến giải sai lầm. Chỉ cần tư tưởng và kiến giải chánh xác, ngôn ngữ, tạo tác sẽ tự nhiên chẳng có làm lỗi, quý vị sẽ chẳng tạo nghiệp. Do không tạo nghiệp, sẽ chẳng có nghiệp cảm. Nghiệp cảm là tam đồ lục đạo mười pháp giới. Các hành vi thấy đều được sửa đổi, những thứ ấy đều hoàn toàn chẳng có. Đây là thật sự lìa khổ, thật sự được vui!

Vì thế, mục tiêu chung cực của “*cứu hộ nhất thiết*” là mong giúp cho hết thảy chúng sanh không chỉ thoát ly lục đạo, mà còn thoát ly mười pháp giới. Trong giáo pháp Đại Thừa, cũng nhất định phải dạy cho chúng sanh ai nấy đều khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh sẽ vượt thoát mười pháp giới; đây mới gọi là “*cứu hộ nhất thiết*”. Hai chữ “*nhất thiết*” (一切) là từ ngữ có ý nghĩa kép. Ý nghĩa được bao hàm trong ấy rất nhiều. Có thể giải thích [“*nhất thiết*”] là “*hết thảy chúng sanh*”, mà cũng có thể hiểu là “*hết thảy sự mê hoặc, điên đảo, hết thảy những tạo tác sai lầm của một chúng sanh*”, [nói kiểu nào] cũng đều hợp lý. Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian là vì chuyện này!

“*Vì*” là cách nói về phía bọn phàm phu chúng ta trong hiện tiền, đức Phật có ý niệm “vì hết thảy chúng sanh” hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng có! Về mặt Sự, Ngài thực hiện nghiêm túc hơn bất cứ ai khác, tròn trách nhiệm hơn bất cứ kẻ nào khác, nhưng trong tâm xác thực là chẳng có ý niệm ấy, chẳng khởi tâm, không động niệm. Chúng ta khó hiểu điều này! Không khởi tâm, không động niệm, Ngài thực hiện chuyện ấy bằng cách nào? Khởi tâm động niệm thì quý vị mong làm, sẽ làm chẳng viên mãn! Vì sao chẳng viên mãn? Vì quý vị có chướng ngại. Chẳng đoạn tập khí phiền não, bất luận làm chuyện tốt lành nào, cũng đều chẳng toàn vẹn mười phần! Chúng ta chú tâm tư duy quan sát, [sẽ thấy] đúng là

như vậy, chẳng sai tí nào! Chúng ta thuộc địa vị phàm phu mong học Phật, [thế nhưng] học chẳng giống. Vì sao chẳng giống? Có nghĩa là Phật thì vô tâm, chúng ta là hữu tâm; hoặc nói cách khác, Phật vô niệm, chúng ta có ý niệm. Phật chẳng khởi tâm, không động niệm, chúng ta khởi tâm động niệm. Không chỉ là khởi tâm động niệm, mà còn phân biệt, chấp trước nghiêm trọng, làm sao giống cho được!

Vào thời cổ, đại chúng trong đạo tràng, tự viện xác thực là phát tâm chẳng giống hiện thời! Người thời cổ phát tâm xuất gia, thật sự chẳng thể nói hoàn toàn là “*đồng Phật xuất gia*” (xuất gia giống như Phật), nhưng có mấy phần tương tự! Từ đầu đời Thanh trở về trước, người xuất gia xác thực có nguyện ấy, có tâm từ bi cứu hộ hết thảy. Về sau, dần dần biến chất, coi chuyện xuất gia như một nghề nghiệp, coi như một cái nghề để kiếm sống, sai mất rồi! Trong phần trước, tôi đã thừa trình cùng quý vị. Trước kia, xuất gia phải trải qua khảo thí, chẳng dễ dàng! Sau khi vua Thuận Trị phế bỏ [quy chế ấy], chẳng cần khảo thí, người nào cũng đều có thể xuất gia. Vì thế, tố chất của người xuất gia đọa lạc ngàn trọng, chẳng thể sánh bằng những vị đại đức xưa kia! Đúng ra, trong ấy đương nhiên cũng có những vị thật sự xuất gia, xuất gia giống như Phật, chẳng bị ô nhiễm, may mắn gặp gỡ chân thiện tri thức truyền thừa, họ đạt thành tựu, và cũng có thể ảnh hưởng xã hội, thật sự làm được chuyện cứu hộ hết thảy.

Cứu hộ hết thảy, không chỉ là phàm phu tăng, mà là chư Phật, Bồ Tát tái lai. Chúng ta cũng thường nghe nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Kẻ nào vô duyên? Có phải là kẻ suốt đời chẳng có cơ hội tiếp xúc Phật pháp? Đúng thế! Đó là vô duyên, suốt đời chẳng hề tiếp xúc. Nhưng quan trọng hơn, hằng ngày ở trong đạo tràng, hằng ngày ở trong Phật môn, cũng là mỗi ngày đều nghe kinh, nghe pháp, nhưng chẳng đoạn tập khí, chẳng thể y giáo phụng hành, chẳng có cách nào thực hiện giáo huấn của đức Phật. Đó cũng là vô duyên! Vì sao cũng là vô duyên? Nghiệp chướng sâu nặng, chướng ngại duyên phận của người ấy! Từ xưa tới nay, chuyện này quá nhiều. Không chỉ là sau khi đức Phật diệt độ, mà ngay trong khi đức Phật tại thế, hiện tượng này đã hiển hiện rành rành trước mắt!

Kinh điển đã ghi chép, thuở tại thế, đức Phật giảng kinh tại đại thành Xá Vệ trong một thời gian rất dài. Rất nhiều kinh điển được giảng tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên trong thành Xá Vệ. Một phần ba dân cư trong đại thành Xá Vệ đã từng thân cận Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là đã gặp mặt Thích Ca Mâu Ni Phật, từng nghe Ngài giảng kinh, hoặc là trong một đời đã từng gặp Phật một lần, tham gia pháp hội giảng kinh một hai lần. Một phần ba nữa biết có chuyện ấy, biết có Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng chưa từng gặp mặt, trước nay cũng chưa hề đến nghe kinh. Còn có một phần ba nữa, căn bản là chẳng biết trong đại thành Xá Vệ có Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng hề nghe nói, [cho nên] chẳng biết! Quý vị thấy đó, thuở đức Phật tại thế, duyên [của chúng sanh trong cùng một thành mà còn] khác nhau. Vì thế, quyết chẳng phải là đã từng gặp Phật, nghe đức Phật giảng kinh vài lần, bèn nói là “*có duyên phận*”. Chẳng phải vậy! Kẻ hữu duyên là người có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể chứng, đấy mới gọi là “*người hữu duyên*”!

Hiện thời, người tin Phật rất đông, nhưng người có thể lý giải giáo lý Phật pháp chẳng nhiều! Người có thể y giáo phụng hành càng ít hơn nữa! Quý vị cứ loại trừ từng tầng một, cuối cùng, người có duyên được đức Phật hóa độ chẳng được mấy người! Vì thế, bản thân chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh, đối với bốn giai đoạn “*tín, giải, hành, chứng*”, chúng ta thuộc giai đoạn nào? Chỉ nói đến tín, tín có mê tín, chánh tín, và chân tín khác nhau. Đại khái, mê tín là nửa tin nửa ngờ. Quý vị chẳng thể nói kẻ ấy không tin, nhưng cũng chẳng thể nói kẻ ấy thật sự tin tưởng. Thông thường, tiến nhập Phật môn, đa số là mê tín mà tiến nhập, [nghĩa là] đối với Phật pháp chẳng biết gì hết, nhưng tin tưởng. Nghe người khác khuyên dạy bèn tin. Được lắm! Tiếp dẫn họ nhập môn, [như vậy] thì có thể được! Sau khi đã nhập môn, quý vị phải giải, phải nhận biết. Sau khi đã thật sự nhận biết, lòng tin của quý vị được gọi là chánh tín, chẳng phải là mê tín. Quý vị xác thực đã liễu giải, tin tưởng. Đây là chánh tín, chưa chắc đã là chân tín.

Chân tín là gì? Chân tín là thật sự hành. Đức Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, thật sự đoạn ác, hằng ngày kiểm điểm sai trái của chính mình! Vì thế, trong công khóa sớm tối, trước kia, tôi đã nói rất nhiều. Công khóa sáng có ý nghĩa gì? Nhắc nhở chính mình: Ngày hôm nay, ta phải nương theo giáo huấn của đức Phật, chớ nên phạm sai quấy. Ý nghĩa của khóa tụng buổi sáng là như vậy. Dụng ý của khóa tối là nghiêm túc phản tỉnh, ngày hôm nay ta đã làm chuyện gì sai quấy? Phản tỉnh ba nghiệp thân, khẩu, ý, khởi tâm động niệm có sai quấy hay không? Nói năng có sai quấy hay không? Thân thể có tạo tác sai quấy hay không? Khóa tối nhằm phản tỉnh, sửa lỗi; đó gọi là thật sự tu hành. Hôm nay đã phạm lỗi làm, hy vọng ngày mai sẽ chẳng tái phạm nữa. Hằng ngày phản tỉnh, hằng ngày sửa lỗi, người ấy là chân tín. Nếu bản thân chúng ta chẳng thể phản tỉnh hằng ngày, chẳng thể luôn luôn sửa lỗi, lòng tin ấy tối đa thuộc vào giai đoạn chánh tín. Chánh tín là gì? Quý vị chẳng mê tín, xác thực đã liễu giải, tôn kính Phật, Bồ Tát, tôn trọng kinh điển, có thể là rất thích học tập, nhưng quý vị chẳng làm được. Đây là chánh tín, quý vị chẳng phải là mê tín. Quý vị chẳng làm được thì sẽ chẳng thật, làm được thì mới là thật.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phu nhân Vi Đề Hy, tức vị hoàng hậu ấy gặp cảnh biến hóa trong gia đình và quốc gia, nay chúng ta nói là “*chánh biến*” (政變, đảo chánh). Con trai bất hiếu, hại chết cha để thừa kế ngôi vua; tuy chẳng sát hại mẹ, nhưng giam kín, hạn chế tự do của bà ta, gặp nạn lớn như thế đó. Cặp vợ chồng này là hộ pháp của đức Phật, mà cũng là đệ tử kiên thành của đức Phật. Khi gặp nạn, bà ta cầu đức Phật giúp đỡ. Đức Phật có thần thông, đến cảm cung thuyết pháp cho bà ta. Duyên khởi của mười sáu phép Quán và Thập Lục Quán Kinh là như thế đó. Đức Phật bảo bà ta, thật sự tu hành thì nhất định phải hội đủ điều kiện cơ bản. Điều kiện cơ bản ấy chính là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Chúng ta biết, Tịnh Nghiệp Tam Phước không chỉ là cơ sở để tu Tịnh Độ, mà là cơ sở chung của tất cả hết thảy Phật pháp Đại Tiểu Thừa! Thứ nhất là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, chúng ta có làm được hay không? Đây hoàn toàn chẳng phải là Phật pháp, mà là gì? Đây chính là cơ sở quý vị ắt phải hội đủ để thật sự học Phật. Chúng ta có hiếu dưỡng cha mẹ hay không? Có phụng

sự sư trưởng hay không? Nói theo ngôn ngữ Trung Hoa, phụng sự sư trưởng là “*tôn sư trọng đạo*”, còn Phật pháp nói là “*phụng sự sư trưởng*”. “*Từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”.

Nay đối với bốn câu ấy, chúng ta thực hiện điều thứ nhất [của Tịnh Nghiệp Tam Phước] bằng Đệ Tử Quy và kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Đệ Tử Quy là pháp thế gian. Làm người theo pháp thế gian mà còn không xong, làm sao có thể học Phật cho được? Vào trường học Phật, vẫn là có điều kiện. Tuy Phật độ chúng sanh, kẻ ác cũng được độ. Kẻ ác quay đầu, sám hối; kẻ ấy đã quay đầu, sẽ là thiện nhân, chuyển ác thành lành. Vốn bất hiếu với cha mẹ, đức Phật vừa nói, kẻ ấy biết hiếu thuận. Vốn chẳng tôn trọng sư trưởng, tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, kẻ ấy biết tôn trọng sư trưởng, biết tôn sư trọng đạo. Đã quay đầu, hẳn quay đầu sẽ là bờ! Đây là thật sự tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Người ấy không ngừng tiến cao hơn, cuối cùng đạt tới “*chuyển phàm thành thánh*”. Tiểu Thừa Tứ Quả là tiểu thánh, Đại Thừa Bồ Tát được gọi là đại thánh. Trong Đại Thừa, địa vị Tam Hiền được gọi là thánh nhân, địa vị Thập Địa được gọi là đại thánh. Tam Hiền gọi là Bồ Tát, Thập Địa được gọi là Ma Ha Tát. Ma Ha Tát được gọi là Đại Bồ Tát, là đại thánh. Do vậy, phải hiểu hoằng nguyện và chí hướng xuất gia của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta phải học tập, phải trông thấy [hoằng nguyện, chí hướng của các vị La Hán, Bồ Tát] bèn mong được bằng với các Ngài, phải nghiêm túc nỗ lực.

Thực hiện từ chỗ nào? Nhất định là phải thực hiện từ thân cận thiện tri thức, hãy học! Ai là thiện tri thức? Kinh điển là thiện tri thức. Tại Trung Hoa, nay chúng ta nói đến Đại Tạng Kinh, Đại Tạng Kinh là thân thiện tri thức. Quý vị học tập từ trong ấy, lấy đâu ra sai lầm? Những điều được dạy trong kinh điển đều là Tánh Đức sẵn có trong tự tánh của mỗi người, vô lượng trí huệ, vô lượng đức tướng. Kinh điển giảng về mê, ngộ, nhân, quả rất thấu triệt! Đối với vạn sự vạn vật trong vũ trụ, đạo lý, chân tướng sự thật, và diễn biến nhân quả của chúng, chẳng có điều gì không được nói đến, kể cả những phát hiện bởi khoa học cận đại, trong kinh giáo Đại Thừa thầy đều nói đến. Tuy ngôn ngữ văn tự chẳng nhiều, nếu quý vị đọc kỹ lưỡng, quan sát, tư duy, so sánh với những báo cáo của các khoa học gia hiện thời, [sẽ nhận thấy] nội dung [của kinh điển nhà Phật] còn phong phú, còn chính xác hơn! Đúng là ngắn gọn, quan trọng, tường tận, rõ ràng!

Ví như từ xưa tới nay, bao nhiêu triết gia, khoa học gia, và tôn giáo gia đã tìm tòi lẽ huyền bí sâu thẳm trong vũ trụ, vũ trụ do đâu mà có? Do nguyên nhân gì mà có? Sâu la vạn tượng đến rốt cục là chuyện như thế nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, đúng là đơn giản, kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, giải thích rõ ràng, tâm hiện, thức biến! Đức Phật chẳng nói “*do thần (Thượng Đế, Thiên Chúa) tạo ra*”; vì thế, có những vị học giả phương Tây như tiến sĩ Thang Ân Tử (Arnold Toynbee) khẳng định Phật giáo là vô thần luận. Thế nhưng Phật giáo hoàn toàn chẳng bài xích những vị thần được sùng bái trong những tôn giáo khác. Phật giáo không bài xích, không phản đối, nhưng chính Phật giáo chẳng nói đến. “*Tạo hóa*” chính là tâm tánh. Do vậy, trong Phật môn thường nói: “*Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ*” (Nếu người hiểu biết tâm,

đại địa không tác đất). Câu nói ấy có nghĩa là nếu quý vị thật sự minh tâm kiến tánh, đối với vạn sự vạn vật trong vũ trụ, hết thấy các đạo lý, các sự bí mật sâu thẳm, các diễn biến quý vị đều hiểu hoàn toàn!

Như thế nào thì mới có thể minh tâm kiến tánh? Nhà Phật có phương pháp [xuất phát] từ Giới Định Huệ. Giới có nghĩa là gì? Giúp quý vị sửa đổi, bỏ đi những tập khí hành vi chẳng tốt lành từ vô lượng kiếp đến nay, vì chúng là chướng ngại, chướng ngại cái tâm thanh tịnh của quý vị (tâm thanh tịnh là Thiền Định), nó chướng ngại quý vị. Tâm thanh tịnh là chân tâm. Chân tâm bị chướng ngại, làm sao quý vị có thể giác ngộ cho được? Chân tâm khởi tác dụng sẽ là đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ất phải diệt trừ những chướng ngại ấy (chúng được gọi là “*ngiệp chướng*”), khiến cho chân tâm của quý vị hiện tiền. Đó gọi là “*do Giới đắc Định, do Định khai Huệ*”. Chân tâm khởi tác dụng, chính là trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh hiện tiền. Kinh Kim Cang đã nói rất khéo: “*Tín tâm thanh tịnh, sẽ sanh Thật Tướng*”. Thật Tướng là Bát Nhã, vốn sẵn có trong tự tánh. Trí huệ ấy vừa khai, tất cả hết thấy tánh, tướng, Lý, Sự, nhân, quả trong vũ trụ thấy đều hiểu rõ, đây mới gọi là “*phá mê khai ngộ*”, đây mới là “*rốt ráo lià khổ được vui*”. Bồ Tát xuất gia tu hành chứng quả là vì lẽ này!

Do vậy, Tứ Hoàng Thệ Nguyên đã nói trọn hết: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, tức là cứu hộ hết thấy. Nếu quý vị muốn cứu hộ hết thấy, trước hết, phải cứu chính mình. Muốn cứu chính mình, điều đầu tiên là đoạn phiền não, “*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Sau khi đã đoạn phiền não, quý vị sẽ thành tựu trí huệ, thành tựu học vấn, thành tựu năng lực, mới có thể giúp đỡ. “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Cuối cùng, còn phải đạt đến rốt ráo viên mãn, “*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Phật là gì? Là đọc sách, là cầu học. Cầu học thì nhất định phải đạt được học vị cao nhất. Phật đạo là học vị cao nhất, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quý vị cứu hộ hết thấy sẽ đạt được đại tự tại, chẳng có mảy may chướng ngại nào!

Xuất gia, phát đại nguyện này, đương nhiên là chính mình trọn đủ, cũng nguyện cho chúng sanh, hy vọng hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới đều có thể xuất gia giống như Phật. Ý nghĩa này [phải hiểu theo] nghĩa rộng, xuất gia giống như Phật chính là “*tâm xuất, thân không xuất*”, là tại gia Bồ Tát. Vì sao? Hết thấy chúng sanh chẳng thể rời khỏi xã hội, Bồ Tát phải tham dự các ngành nghề trong xã hội. Trong ngành nghề nào cũng đều có Bồ Tát, đều có Phật; vì thế, tại gia Bồ Tát đông đảo. Xuất gia Bồ Tát chuyên môn theo đuổi công tác giáo dục của đức Phật. Nếu chẳng chuyên môn theo đuổi công tác giáo dục của đức Phật, sẽ là “*tại gia xuất gia*”, tức là “*tâm xuất, thân không xuất*”, trong bất cứ nghề nghiệp nào cũng đều cầm đầu, đều dấy lên tác dụng làm khuôn phép, gương mẫu. Đó là gì? Chẳng vì lợi ích chính mình, mà nhằm tạo lợi ích cho xã hội, tạo lợi ích cho chúng sanh. Bất luận làm nghề gì, cũng đều có quan niệm này. Quý vị biết người ấy là Bồ Tát, chẳng phải là phàm phu. Phàm phu sẽ vì chính mình, Bồ Tát vì xã hội, vì chúng sanh. A! Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phần kinh văn tiếp theo, [xin xem] bài kệ thứ chín.

(Kinh) Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thiệu long Phật chủng, phát vô thượng ý.

(經)自歸於佛。當願眾生。紹隆佛種。發無上意。

(Kinh: Tự quy y Phật, nguyện cho chúng sanh, nối tiếp hưng thịnh dòng dõi Phật, phát ý vô thượng).

Tôi nghĩ đôi với các đồng học, ba bài kệ chín, mười, và mười một hết sức quen thuộc, chính là Tam Quy Y. Bất quá, tổ sư đã sửa lại mấy chữ trong bài kệ này. “*Tự quy y Phật*” được sửa thành “[*tự*] quy y Phật”. “*Tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng*”, Tam Quy Y. Câu ba và câu bốn trong bài kệ quy y Phật hiện thời rất ít dùng: “*Thiệu long Phật chủng, phát vô thượng ý*”. Quá nửa là sử dụng “*thế giải đại đạo, phát vô thượng tâm*”. Đương nhiên “*thế giải đại đạo*” cũng thật sự là “*thiệu long Phật chủng*”, nhưng tôi vẫn cảm thấy ý nghĩa “*thiệu long Phật chủng*” hay hơn. Vì sao? Tạo sự cảnh giác cao độ cho người hiện thời. Quý vị thấy trong Tam Thời Hệ Niệm của thiền sư Trung Phong, trong Tịnh Tông, Tam Thời Hệ Niệm được dùng để lợi ích kẻ dương lẫn người âm rất nhiều, trong Tam Thời Hệ Niệm của thiền sư Trung Phong sử dụng “*thiệu long Phật chủng, phát vô thượng tâm*”. Có thể thấy là tổ sư nhất định cũng thấu hiểu sâu xa câu này đã tạo sự cảnh giác rất lớn cho chúng ta. “*Thiệu*” (紹) là kế thừa, tiếp nối; “*long*” (隆) là phát huy rạng rỡ.

Trước hết, chúng ta phải nhận biết. Quý vị thấy quy y Phật, chẳng phải là “*đệ tử chúng con tên là... quy y Phật*” mà là “*tự quy y Phật*”, ý nghĩa này rất sâu. “*Tự*” (自) là bản thân chúng ta, Phật là gì? Phật là bản tánh của chính chúng ta, chẳng phải là Phật ở bên ngoài. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta quy y A Di Đà Phật, đã dạy rõ: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, đây là gì? Quý vị phải hiểu đạo lý! Di Đà là tự tánh Di Đà, Thích Ca đương nhiên chẳng phải là ngoại lệ. Tự tánh Thích Ca, tự tánh Tỳ Lô Giá Na, chẳng có một pháp nào lìa khỏi tự tánh. Vì sao? Tâm hiện, thức biến. “*Quy*” (皈) là gì? “*Quy*” là quay đầu. Quay đầu là bờ, chúng ta đã mê mất tự tánh. Phật là Tự Tánh Giác. Chữ Phật trong tiếng Ấn Độ dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác, giác chứ không mê. Nay chúng ta đã mê, chính mình đã mê, hãy nhanh chóng quay đầu hướng về Tự Tánh Giác. Đây là thật sự quy y, chẳng mê tín nữa!

Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Nếu quý vị quy y vị Phật ở ngoài tâm, sẽ biến thành ngoại đạo. Hai chữ “*ngoại đạo*” trong nhà Phật chẳng phải là chửi bới người khác, mà có nghĩa là “*câu pháp ở ngoài tâm*”; đó là ngoại đạo. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài tâm chẳng có Phật, ngoài tâm cũng chẳng có Tăng. “*Tâm hiện, thức biến*”, quý vị phải hiểu đạo lý này. Sau đây, quý vị mới thật sự hiểu rõ câu nói này. Vì Tam Quy là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong Phật giáo. Hết thầy các pháp do mười phương ba đời hết thầy chư Phật, Bồ

Tát đã nói, đều chẳng lìa khỏi ba nguyên tắc, cương lĩnh này. Quý vị thấy, vừa xuất gia bèn lập tức thọ Tam Quy, thấy truyền trao quý vị nguyên tắc và cương lĩnh học tập. Đây là mục tiêu và phương hướng tu học suốt một đời quý vị! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. Vì thế, [Phật, Pháp, Tăng] được gọi là Tam Bảo.

Chúng ta đọc Đàn Kinh, thấy một ngàn bốn trăm năm trước, nói theo hiện thời thì là cách chúng ta một ngàn bốn trăm năm trước, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư truyền trao Tam Quy cho mọi người, Ngài chẳng dùng “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, chẳng dùng cách này. Ngài sử dụng cách nào? Ngài dùng “*quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh*”. Tôi đọc Đàn Kinh xong, nhìn vào lời phát thệ trong Tam Quy hiện thời, bèn liên tưởng vì sao Lục Tổ Huệ Năng đại sư phải dùng “*giác, chánh, tịnh*”, vì sao chẳng dùng lời phát thệ theo truyền thống là [quy y] Phật, Pháp, Tăng? Nhất định là có đạo lý trong ấy!

Vào thời đại của Huệ Năng đại sư, Phật pháp đã truyền sang Trung Hoa gần như là bảy trăm năm. Phật giáo chánh thức truyền sang Trung Hoa vào năm Vĩnh Bình thứ mười đời Đông Hán, tức năm sáu mươi bảy Công Nguyên. Hán Minh Đế sai đặc sứ sang Ấn Độ thỉnh hai vị pháp sư Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đem kinh Phật và tượng Phật sang Trung Hoa. Trước đó, trong dân gian đã có [Phật giáo], đã có từ rất sớm, nhưng chẳng do quốc gia đề xướng. Vì thế, ảnh hưởng chẳng lớn. Quốc gia đề xướng, quốc gia khai thỉnh, ảnh hưởng bèn to lớn! Thời gian bảy trăm năm cũng khá dài, khẳng định là người thọ trì Tam Quy đã nảy sanh hiểu lầm. Hiện thời lại cách thuở đó hơn một ngàn năm, sự hiểu lầm càng ngày càng nghiêm trọng hơn, biến thành mê tín. Nghe nói “*quy y Phật*”, bèn nghĩ đến tượng Phật. Ngạn ngữ có câu: “*Nê Bô Tát quá hà, tự thân nan bảo*” (Bồ Tát nặn bằng đất vượt sông, khó giữ nổi mình). Tượng ấy có thể phù hộ quý vị hay chẳng? Nhưng hiện thời, sự nảy sanh hiểu lầm như vậy rất phổ biến. Vì thế, lão nhân gia thay đổi danh từ, chẳng dùng cách nói “*Phật, Pháp, Tăng*”, mà đổi thành “*giác, chánh, tịnh*”, mọi người sẽ thấy rõ ràng hơn, minh bạch hơn, chẳng nảy sanh hiểu lầm. Quy y giác, sau đây bèn giải thích, “*Phật là giác*”, giác chứ không mê, đây là Phật. Do đó, “*tự quy y Phật*” là từ mê trở về Tự Tánh Giác. Cách nói như vậy rất minh bạch!

Nay chúng ta là tự tánh mê. Từ tự tánh mê trở về Tự Tánh Giác, đây mới là thật sự quy y Phật. Ý nghĩa này hay lắm! Nhưng chúng ta chẳng giác được! Có ai chẳng mong giác, chẳng mong khai ngộ, chẳng mong đại triệt đại ngộ? Đại triệt đại ngộ là đại giác, nhưng chẳng giác được. Đối với nguyên nhân bất giác, phải biết Tự Tánh Giác vốn sẵn có. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: “*Bốn Giác vốn có, bất giác vốn không!*” Bất giác là mê, vốn chẳng có mê, giác là vốn sẵn có. Nay vì sao quý vị bất giác, biến thành mê? Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: “*Do một niệm bất giác, bèn có vô minh*”. Có vô minh, sẽ mê càng ngày càng nghiêm trọng. Sau khi đã mê, chẳng quay về được! “*Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô*”. “*Tam tế, lục thô*” là nói đến cội nguồn của các hiện tượng, tức sâm la vạn tượng trong vũ trụ, vạn sự vạn vật do đâu mà có, đã nói rõ ràng!

Vô minh là gì? Bất giác là gì? Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nói: Khởi tâm động niệm là vô minh, khởi tâm động niệm là bất giác. Giác tâm là bất động, thanh tịnh, tịch diệt, đó là giác tâm, chân tâm. Chân tâm bất động, vọng tâm là động, khởi tâm động niệm là động. Tuy hiện thời chúng ta khởi tâm động niệm, mỗi người chúng ta đều có chân tâm, chân tâm vẫn là “như như bất động” y như cũ, vọng tâm đang động. Tuy vọng tâm là động, hoàn toàn chẳng trở ngại chân tâm. Chân tâm của quý vị vẫn bất động. Vấn đề trong hiện thời là ở chỗ nào? Quý vị chẳng dùng chân tâm, mà dùng vọng tâm. Chân tâm chẳng làm chủ, vọng tâm nắm quyền. Cổ nhân đã có tỷ dụ rất hay, chân tâm là chủ nhân, vọng tâm là kẻ hầu trong nhà. Hiện thời thì sao? Chủ nhân chẳng ngó ngàng mọi việc, kẻ hầu làm chủ, phiền phức xuất hiện! Khi nào chủ nhân quan tâm mọi việc, người hầu nghe theo lệnh sai khiến, đó là “*bình thường*”. Kẻ hầu nghe theo lệnh sai khiến, chính là chư Phật Như Lai tùy loại hóa thân trong mười pháp giới. Kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng lãnh hội của họ*”, nghe theo lệnh đấy! Vị chủ nhân nắm quyền là chân tâm. Do vậy có thể biết, trong Nhất Chân pháp giới, chủ nhân nắm quyền, còn trong mười pháp giới đều là do kẻ hầu nắm quyền. Mười pháp giới càng lên cao hơn, quyền hành của kẻ hầu càng nhỏ đi, nhưng họ vẫn là người nắm quyền. Càng đi xuống, quyền hành của kẻ hầu càng lớn. Tỷ dụ này dễ hiểu!

Do vậy, đức Phật thường nhắc đến vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy là vọng tâm. Vọng tâm chia làm ba cấp. Vọng tâm là vô minh, là khởi tâm động niệm. Lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, thật sự không khởi tâm, không động niệm, chân tâm bèn nắm quyền. Chân tâm nắm quyền, sẽ là Như Như Phật, Bồ Lai Phật (vị Phật vốn sẵn có)! Do đó, phải hiểu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là giả, vốn chẳng có. Trong chân tâm, chẳng có những thứ ấy. Những thứ ấy hoàn toàn hư vọng. Phật, Bồ Tát giác ngộ, Phật, Bồ Tát đã tìm thấy chân tâm, trở về tự giác, trở về Bồ Lai Giác. Quý vị mong học Phật, mong giống như Phật, quý vị hãy đi theo phương hướng này, hướng theo mục tiêu này! Thế nhưng từ vô lượng kiếp đến nay, phàm phu lầm tưởng vọng tâm là chân tâm, nhận lầm mất rồi! Trong kinh Phật có tỷ dụ “*nhận tặc vi tử*” (ngỡ giặc là con). Quý vị chẳng biết nó là hư vọng, ngỡ nó là chân thật, sai mất rồi! Nó chẳng phải là chân thật, mà là hư vọng, điều này tạo thành tri kiến sai lầm. Dùng cái tâm này, chắc chắn là quý vị chẳng thể giải quyết vấn đề.

Hiện thời, đối với vấn đề động loạn trên toàn thể thế giới, nếu chẳng trở về tự tánh, hiện tượng rối loạn ấy, tương suy vì ấy tất nhiên sẽ mỗi năm một nghiêm trọng hơn. Cứ tiếp tục, sẽ thật sự là “*tận thế*” như các tôn giáo phương Tây đã nói. Có thể tận thế hay không? Quan sát cẩn thận, lắng lòng tư duy, [sẽ thấy là] có thể, rất có thể. Nói đến chỗ này, ai nấy mới có tâm cảnh giác đôi chút. Chừng nào tận thế phát sanh? Chẳng ai biết. Nói theo tôn giáo, rốt cuộc tận thế phát sanh vào ngày nào, chỉ có Chúa biết! Họ nói trừ Chân Thần ra, thiên sứ cũng đều chẳng biết. Nhưng nếu như thế giới biến hóa, sẽ chẳng phải là đột nhiên, chẳng phải là thành linh biến đổi trong một ngày, mà sẽ là biến hóa dần dần. Biến đổi dần dần,

nhất định là có điềm báo trước! Chẳng sai! Chỉ cần nhìn từ những điềm báo ấy, quý vị sẽ biết: Hiện thời, tận thế cách chúng ta ngày càng gần!

Tôi cũng thường khuyên dạy các đồng học. Quý vị hãy lắng lòng quan sát, cứ so sánh từng mười năm một, sẽ dễ dàng nhìn ra. Đối với mười năm, nhìn vào mười năm trong quá khứ, sẽ là hai mươi năm. Lại [nhìn vào] mười năm trong quá khứ trước đó nữa, sẽ là ba mươi năm trước đó. Lại nhìn vào mười năm trước đó, sẽ là bốn mươi năm trước. Quý vị cứ so sánh từng giai đoạn một như vậy, trước hết là nhìn vào trạng huống xã hội và cuộc sống của nhân dân, lại quan sát hết thấy các tạo tác nơi ba nghiệp của hết thấy chúng sanh, quý vị sẽ có thể rút ra một kết luận. Mười năm là một giai đoạn, mỗi giai đoạn sau chẳng bằng giai đoạn trước! Hiện tượng này rất đáng sợ! Nếu chẳng thể thay đổi, vẫn tiếp tục phát triển theo hướng này, mười năm sau, hai mươi năm sau, ba mươi năm sau, chúng tôi cũng chẳng dám nghĩ tận thế có hiện tiền hay không?

Nhân loại tạo tác bất thiện, ảnh hưởng đến sự biến hóa trong tự nhiên. Trong tôn giáo thường nói, mỗi tôn giáo đều nói như vậy, đã nói xong, còn khuyên mọi người, lòng người phải hướng thiện, phải sám hối, phải sửa lỗi, phải dùng lòng nhân từ để đãi người tiếp vật. “*Cho (bố thí) thì sẽ có phước hơn là nhận lãnh*”. Cơ Đốc giáo nói như vậy. Nếu [ai nấy] đều có thể tiếp nhận giáo dục tôn giáo, đều có thể tiếp nhận giáo dục nhân quả, chúng ta hồi tâm hướng thiện, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, chắc chắn sẽ hóa giải tai nạn tận thế. Dầu chẳng thể hóa giải hoàn toàn, nói chung là hóa giải từ một nửa trở lên! Thời gian [xảy ra] tận thế đương nhiên sẽ bị kéo chậm lại, điều này là khẳng định! Do vậy, giáo dục quan trọng hơn bất cứ điều nào!

Khoa học kỹ thuật chẳng thể giải quyết vấn đề này. Quý vị thấy khoa học có thể giải quyết vấn đề động đất trong hiện thời hay không? Có thể giải quyết chuyện sóng thần hay không? Chẳng thể giải quyết! Lốp vỏ địa cầu biến hóa, có thể giải quyết hay không? Hiện thời ai nấy đều biết, băng ở Nam Cực và Bắc Cực bị tan chảy, băng hà ở cao nguyên đã bị tan chảy. Các nhà khoa học cho biết, nếu băng ở Nam Cực và Bắc Cực hoàn toàn tan chảy, hiện thời tốc độ tan băng rất nhanh, mực nước biển tại vùng duyên hải sẽ dâng lên từ năm mươi mét cho đến bảy mươi mét. Nói cách khác, các đô thị vùng duyên hải trên khắp thế giới đều bị nước biển nhấn chìm! Điều này có nghĩa là chẳng có tai nạn chi khác, nước biển dâng cao, tràn ngập! Khối băng ở Nam Cực và Bắc Cực bị tan chảy, nước biển dâng cao, lục địa trên địa cầu bị thu nhỏ. Chiếu theo cách nói thông thường, tối thiểu là rút nhỏ một phần tư lục địa, cũng là hai mươi lăm phần trăm! Nói theo hiện thời, những chỗ thấp hơn năm mươi mét cho đến bảy mươi mét [so với mực nước biển] thấy đều bị nhấn chìm, chẳng có cách nào giải quyết. Các khoa học gia biết chuyện này, làm thế nào để có thể ngăn ngừa sự tan chảy của khối băng tại Bắc Cực và Nam Cực? Không khí ô nhiễm, nước ô nhiễm, hiện thời là một vấn đề hết sức nghiêm trọng và bức thiết, làm cách nào để giải quyết vấn đề này? Do vậy, trong kinh giáo, đức Phật thường nhắc nhở chúng ta phải giác ngộ. Giác ngộ là chớ nên tạo tác ác nghiệp nữa. Ý niệm bất thiện, tức là ý nghiệp của quý vị bị ô nhiễm. Ngôn ngữ bất thiện, tức là khẩu nghiệp bị ô nhiễm. Thân thể tạo

tác bất thiện, chính là thân nghiệp bị ô nhiễm. Tam nghiệp đều bất thiện, càng mê càng sâu hơn.

Vì thế, chúng ta phải nhận thức rõ ràng câu “*tự quy u Phật*” (自歸於佛) [trong bài kệ này], chớ nên hiểu lầm ý nghĩa, đừng mê tín! “*Đương nguyện chúng sanh, thiêu long Phật chủng*”: Trong phần trước đã nói về xuất gia, xuất gia giống như Phật. “*Thiêu*” (紹) là kế thừa, tiếp nối huệ mạng của Phật. “*Phật chủng*” (佛種) là huệ mạng của chính mình. “*Phật chủng*” có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là tự tánh của chính mình. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Trong A Lại Da Thức của hết thảy chúng sanh, có trọn đủ viên mãn chủng tử của mười pháp giới. Trong mười pháp giới có Phật chủng. Phật chủng vĩnh hằng bất diệt. Phật chủng là gì? Phật Tánh! Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Phật Tánh là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh; đây là Phật Tánh. Hết thảy chúng sanh thấy đều có! Hiện tại mê, mê chứ không giác. Trong kinh, đức Phật đã nói về điều này rất hay, vì sao mê? “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”, lời ấy đã giải thích rất minh bạch! Nếu chúng ta trừ bỏ vọng tưởng, chấp trước, Phật Tánh sẽ hiện tiền, Phật chủng sẽ hiện tiền. Phải hiểu đạo lý này, phải nghiêm túc thực hiện!

Thực hiện từ nơi đâu? Trước hết, thực hiện từ chỗ nông cạn, chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Chẳng chấp trước, quý vị có thể tùy duyên, sẽ tự tại! Ngay cả thân thể này cũng chẳng chấp trước, đối với Ngã cũng chẳng chấp trước, vô ngã! Hễ chấp trước, trật mất rồi! Thân tướng này là do Tứ Đại và Ngũ Uẩn hòa hợp mà hiện thành một hình tướng như thế đó. Trong Tứ Đại và Ngũ Uẩn, quý vị chẳng thể tìm được Ngã! Quý vị tìm kiếm Ngã trong Tứ Đại và Ngũ Uẩn, trọn chẳng thể được, chứng tỏ chẳng có Ngã! Vì sao quý vị chấp trước những thứ ấy là Ngã? Vì chấp trước là Ngã, cho nên nầy sanh ích kỷ, tham, sân, si, mạn, vô lượng phiền não, vô lượng tội nghiệp trong ấy, sai mất rồi!

Thật sự học Phật, làm đệ tử đức Phật, quý vị phải giống như Phật, giống như Bồ Tát, bỏ sạch những thứ ấy! Sau khi đã bỏ sạch những thứ ấy, sẽ là A La Hán, tức Chánh Giác, là tiểu ngộ. Tuy chưa triệt ngộ, là tiểu ngộ, nhưng vì không còn chấp trước những thứ ấy, lục đạo sẽ chẳng có. Quý vị vào trong lục đạo, nhằm hành Bồ Tát đạo, hồi Tiểu hướng Đại, hành Bồ Tát đạo để giúp chúng sanh giác ngộ. Chính mình giác ngộ, nêu gương giác ngộ cho chúng sanh thấy. Tuy hình tướng giống như chúng sanh, nội tâm hoàn toàn khác hẳn. Hình tướng thì hòa quang đồng trần, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Hiện thân chẳng phải là hữu ý; hễ hữu ý hiện thân nào, [tức là] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị chẳng đoạn, [mà là] vô ý. Vô ý thì làm sao có thể hiện thân? Đúng là khó hiểu! May mắn là thí nghiệm của tiền sĩ Giang ở Nhật Bản đã tạo một chứng minh khoa học cho chúng ta. Chúng tôi thấy thí nghiệm ấy, bèn hoảng nhiên đại ngộ. Nước chẳng có tâm, vì sao nó có thể tùy thuộc ý nghĩ của con người [mà chuyên biến]? Do đâu mà có nước? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Bản thể của nước là gì? Là Pháp Tánh. Pháp Tánh là Phật Tánh, Pháp Tánh là chân Phật, Pháp Tánh là Phật chủng, Pháp Tánh là chân tâm của chính mình. Xác

thực thuận theo sự cảm của chúng sanh, chúng sanh khởi tâm động niệm, nước sẽ cảm ứng. Thiện niệm bèn có thiện ứng, ác niệm sẽ có ác ứng. Núi, sông, đại địa, toàn thể vũ trụ thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ, tùy tâm ứng lượng!

Từ chứng minh khoa học ấy, chúng tôi đã đoạn sạch nghi hoặc từ bao nhiêu năm qua. Trong giáo pháp Đại Thừa, cảnh giới ấy được gọi là “*bất tư nghị giải thoát cảnh giới*” (cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn). Chúng ta cũng hiểu rõ “*bất tư nghị*” là gì? “*Tư*” (思) là tư duy, “*ng nghị*” (議) là nghị luận. Nghiên cứu, hay thảo luận đều chẳng thể, tự nhiên! Quý vị chỉ cần thêm tư duy vào, thêm nghiên cứu, thảo luận vào, sẽ chẳng thấy chân tướng; đây là gì? Sẽ thành pháp thế gian! Thêm vào tư duy, nghị luận sẽ là pháp thế gian, là mê, người thế gian nói là Thế Trí Biện Thông, kinh Phật nói là Thế Trí Biện Thông. Thế Trí Biện Thông là một trong tám nạn. Lìa khỏi hết thấy tư duy, nghị luận, sẽ là “*bất tư nghị*”, chân tướng hiện tiền. Chân tướng mới có thể hiện tiền. Vì thế, từ sự kết tinh của nước, có thể thấy chân tướng, nhưng chân tướng [như chúng ta trông thấy chỉ là] cục bộ! Từ cục bộ, quý vị có thể suy ra toàn thể. Chúng ta có ý niệm bất đồng đối với nước, nó sẽ sanh ra phản ứng khác nhau. Đối với núi, sông, đại địa, đối với hết thấy chúng sanh, chắc chắn là không khác. Chúng ta có thiện niệm, toàn thể núi, sông, đại địa, hết thấy chúng sanh chắc chắn sẽ có phản ứng tốt đẹp. Chúng ta có ác niệm, chắc chắn là [chúng sẽ phản ứng] xấu hèn! Từ một pháp, quý vị có thể hiểu hết thấy các pháp. Người thế gian thường nói “*nghe một biết mười*”; ở đây, không chỉ biết mười, [mà là] nghe một biết hết thấy!

Chúng đắc bằng cách nào? Chẳng có gì khác, buông xuống! Buông xuống chấp trước, buông xuống phân biệt. Buông xuống chấp trước, quý vị là Chánh Giác, là A La Hán. Buông xuống phân biệt, quý vị là Bồ Tát, là Chánh Đẳng Chánh Giác. Buông xuống khởi tâm động niệm, quý vị là Phật, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi tôi mới học Phật, thầy dạy tôi phương pháp là “*buông xuống, thấy thấu suốt*”. “*Thấy thấu suốt*” là gì? “*Thấy thấu suốt*” là hiểu rõ. Chẳng cần thông qua tư duy, chẳng cần trải qua tưởng tượng, mà tự nhiên hiểu rõ! Vì sao quý vị chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật? Chân tướng sự thật chính là “*Thật Tướng của các pháp*” như trong kinh Phật đã dạy. Vì sao quý vị chẳng hiểu rõ? Quý vị có nghiệp chướng, có chướng ngại. Đối với ba loại lớn ấy, Kiến Tư phiền não là chấp trước, Trần Sa phiền não là phân biệt, Vô Minh phiền não là khởi tâm động niệm, chướng ngại chân tâm của quý vị, chướng ngại sự nhận biết chân tướng sự thật!

Trong đời này, chúng ta may mắn được làm thân người, được nghe Phật pháp, được gặp gỡ chánh giáo! Có nhiều đồng tham đạo hữu ngàn ấy cùng nhau học tập, khích lệ lẫn nhau, phải thật sự hành, phải thật sự phát tâm thiêu long Phật chủng. Đầu tiên là phải thiêu long Phật chủng của chính mình. Chính mình phải là thật tu, thật chứng; sau đây mới hoằng dương rạng rỡ, thiêu long Phật chủng của Thích Ca Mâu Ni Phật, [khiến cho] chánh pháp tồn tại lâu dài [trong thế gian]. Giới thiệu tâm đắc học tập của chính mình đối với giáo huấn của đức Thế Tôn và giáo huấn của chư Bồ Tát, giới thiệu sự thọ dụng từ việc học tập của chính mình,

giới thiệu với hết thầy chúng sanh trong thế gian, chia sẻ với mọi người. Đó gọi là hoằng pháp lợi sanh.

“*Phát vô thượng ý*”: “*Phát*” (發) là phát tâm, “*ý*” chính là tâm. Do vậy, tổ sư sửa thành “*phát vô thượng tâm*”, ý nghĩa hoàn toàn như nhau! Vô thượng tâm là pháp chứng đắc rốt ráo viên mãn nơi quả địa Như Lai, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhất định phải lấy điều này làm mục tiêu chung cực. Do vậy, câu này rất trọng yếu, trọng yếu ở chỗ nào? Chẳng thể đắc chút ít, đã cho là đủ! Quý vị đạt được Chánh Giác, bèn cảm thấy rất thỏa mãn. Vượt thoát lục đạo, nhìn lại lục đạo, quý vị thấy rành mạch, rõ ràng Tánh, Tướng, Lý, Sự nhân quả của lục đạo. Đây là A La Hán. Như kinh đã nói, quý vị có năng lực biết năm trăm đời quá khứ, năm trăm đời vị lai. Thật sự có thể nói là thần thông quảng đại! Quý vị du hành đến nơi đâu, chẳng cần phương tiện giao thông. Nghĩ đến nơi đâu, sẽ liền đến nơi đó!

Chuyện này dường như là thần thoại! Chẳng phải là thần thoại, vì sao? A La Hán đã đột phá thời gian và không gian. Cũng có nghĩa là, Ngài chẳng có thời gian, mà cũng chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau. Vì thế, năm trăm đời quá khứ và năm trăm đời vị lai ở ngay trước mắt. Chẳng có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Vì thế, Ngài có thể tùy theo cái tâm của chúng sanh mà ứng hiện phù hợp. A La Hán còn có cảnh giới này, hưởng hồ Bồ Tát? Hưởng hồ đức Phật? Đã đột phá thời gian và không gian, cảnh giới sống sẽ hoàn toàn chẳng giống chúng ta. Không gian sống của chúng ta quá nhỏ, chúng ta chẳng thể sánh bằng Ngài. Nếu lại so sánh các Ngài (các vị A La Hán) với Bồ Tát thì [A La Hán] cũng chẳng thể sánh bằng. Do vậy, chớ nên ngừng nơi tiêu quả, chớ nên ngừng tại đó, nhất định là phải còn tiến cao hơn!

Nếu tiến cao hơn nữa, phải phát tâm, phát cái tâm giống như Phật, nguyện giống như Phật, sẽ tiến cao hơn. Tiến cao hơn thành Bồ Tát. Lại tiếp tục bỏ sạch phân biệt, chẳng phân biệt hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian. Cái tâm chẳng phân biệt chính là bình đẳng. Không chấp trước, A La Hán chẳng chấp trước, tâm Ngài thanh tịnh. Ngài chỉ đạt được thanh tịnh, vẫn chưa đạt được bình đẳng. Bồ Tát đã đắc bình đẳng, chính là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đạt đến cảnh giới Bồ Tát, cũng phải sợ, sợ chính mình sẽ rất thỏa mãn. Hễ thỏa mãn, sẽ chẳng thể tăng tấn được! Quyết định chớ nên nầy sanh ý niệm ấy, phải vĩnh viễn tăng tấn! Chúng ta biết Đại Thừa Bồ Tát có bốn mươi một địa vị. Bốn mươi một địa vị tính từ Thập Trụ, địa vị Thập Tín chẳng tính, [bởi lẽ], địa vị Thập Tín chẳng lia khỏi mười pháp giới. Sơ Trụ đã vượt thoát mười pháp giới. Vì thế, phát vô thượng tâm rất quan trọng! Nếu chẳng phát vô thượng tâm, vị ấy sẽ chẳng thể tăng tấn. Nhất định phải phát, phải chứng đắc quả vị rốt ráo viên mãn. Cũng có nghĩa là nơi tự tánh chớ nên có mấy may ô nhiễm, phải trừ sạch tất cả chướng ngại, tất cả ô nhiễm thì mới là viên mãn. Viên mãn, đạt đến Phật quả rốt ráo, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy, khi quý vị phát tâm, nhất định sẽ cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phải phát cái tâm ấy, tâm ấy được gọi là đại Bồ Đề tâm. Nếu chỉ là Bồ Tát, quý vị phát Bồ Đề tâm, sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nhưng A La Hán chẳng phát Bồ Đề tâm, đạt đến Chánh

Giác, chẳng phát Bồ Đề tâm! Bồ Đề tâm là Đại Giác, Phật là Vô Thượng Giác. Hàm nghĩa trong mỗi câu đều rất sâu!

Quý vị phát cái tâm ấy, đạt đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Khi ấy, không chỉ là chẳng có phân biệt, chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Trong Nhất Chân pháp giới là pháp giới bình đẳng, vô thượng tâm còn có tác dụng hay chẳng? Có tác dụng! Tác dụng ấy chẳng thể nghĩ bàn, quý vị chẳng có cách nào suy tưởng, mà cũng chẳng thể thảo luận. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, sự tu hành của bậc Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới được gọi là “*vô công dụng đạo*”, nó khởi tác dụng ấy. Cũng có nghĩa là, ba đại A-tăng-kỳ kiếp nhằm đoạn sạch tập khí căn bản vô minh, một mực tăng tấn là do sức mạnh nào thao túng? Chính là ý niệm này! Cái ý niệm ấy ở nơi đây chẳng có, phát khởi nơi nhân địa, thì sẽ là như chúng ta là những kẻ mới học Phật trong hiện thời, khởi tâm động niệm, nguyện tâm kiên định. Trong tương lai, sau khi đã phá một phẩm vô minh, đoạn hết tập khí vô minh, ý niệm đó sẽ tự nhiên sanh ra sức mạnh. Lý và Sự đều rất khó hiểu, phải rất chú tâm lãnh hội, sẽ mừng tượng hiểu được. Đối với cảnh giới thật sự, chẳng có cách nào, cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng thể nghĩ bàn mà đức Phật cũng nói ra một chút cửa ngõ và đường lối ở đây nhằm hướng dẫn chúng ta. Từ sự hướng dẫn ấy, chúng ta có được đôi chút manh mối. Tin sâu chẳng ngờ manh mối ấy, nơi Bồ Đề đạo sẽ khởi tác dụng. A! Nay đã hết thời gian rồi!

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một,
Tịnh Hạnh Phẩm
Phần 24 hết